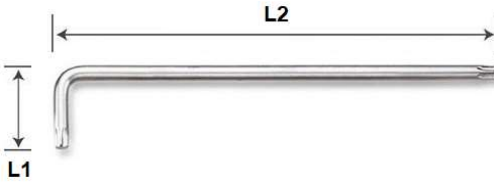


Lục Giác  Trang 138 - 149	Đầu Khẩu  Trang 150 - 151	Cây Vặn Lục Giác Có Tay Cầm  Trang 152 - 154	Bút Thử Điện  Trang 155	Cảo 2 Chấu  Trang 156
Cảo 3 Chấu  Trang 157 - 158	Cảo Chữ C  Trang 159	Cờ Lê Hai Đầu Mở  Trang 160 - 161	Cờ Lê Hai Đầu Vòng 45 Độ  Trang 162 - 165	Cờ Lê Hai Đầu Vòng 75 Độ  Trang 166
Cờ Lê Hai Đầu Vòng Tự Động  Trang 167	Cờ Lê Tự Động 2 Đầu Lắt Léo  Trang 167	Cờ Lê Móc  Trang 168	Cờ Lê Vòng Miệng Đầu 75 Độ  Trang 168	Cờ Lê Một Đầu Mở  Trang 169
Cờ Lê Vòng Miệng - Gấp Lắt Léo  Trang 170	Cờ Lê Vòng Miệng  Trang 170 - 176	Cờ Lê Vòng Miệng Tự Động  Trang 177	Ê-Tô  Trang 178 - 180	Kim Bấm Chết  Trang 181 - 183
Kim Bấm Cos  Trang 184 - 185	Kim Cắt  Trang 186 - 193	Kim Đầu Bằng - Kim Điện  Trang 194 - 196	Kim Mũi Nhọn  Trang 197 - 201	Kim Rút Đinh Tán  Trang 202 - 203
Kim Tuốt Dây  Trang 204 - 206	Mỏ Lết Có Điều Chỉnh  Trang 207 - 209	Tua Vít  Trang 210 - 213		

LỤC GIÁC TOPTUL

LỤC GIÁC TOPTUL						
Thương Hiệu		TOPTUL		Xuất Xứ		
				Đài Loan		
HÌNH ẢNH						
GAAL		GAAE		AIAL		
						
Đơn Vị: mm						
Vật liệu: Thép hợp kim SNCM + V Steel			Xử Lý Bề Mặt : Mạ Crom			
Mã Hàng	Số Cái	Size	Chiều Dài (L1)	Chiều Dài (L2)	Phân Loại	
GAAL0910	9	1.5 , 2 , 2.5 , 3 , 4 , 5 , 6 , 8 , 10	—	—	Loại chữ L Đầu Bằng Ngắn	
GAAL0911		1.5 , 2 , 2.5 , 3 , 4 , 5 , 6 , 8 , 10	—	—	Loại chữ L Đầu Bằng Dài	
GAAL0916		1.5 , 2 , 2.5 , 3 , 4 , 5 , 6 , 8 , 10	—	—	Loại Chữ L Đầu Bi	
GBAL0901		1/16 , 5/64 , 3/32 , 1/8 , 5/32 , 3/16 , 1/4 , 5/16 , 3/8"	—	—	Loại Chữ L Đầu Bi	
AGAE1E09	—	1.5	15.5	91.5	Loại chữ L Đầu Bằng Rất Dài	
AGAE0210		2	18	102		
AGAE2E11		2.5	20.5	114.5		
AGAE0313		3	23	129		
AGAE0414		4	29	144		
AGAE0517		5	33	165		
AGAE0619		6	38	186		
AGAE0720		7	41	197		
AGAE0821		8	44	208		
AGAE1023		10	50	234		
AGAE1226		12	57	262		
AGAE1429		14	70	294		
AGAE1734		17	80	337		
AGAE1938		19	89	379		
AIAL1007		T10	19	72		Loại chữ L Đầu Sao Dài
AIAL1508		T15	19.5	83.5		
AIAL2009	T20	23	91			
AIAL2510	T25	24.5	102.5			
AIAL2711	T27	29	113			
AIAL3013	T30	35	126			
AIAL4014	T40	42	142			
AIAL4516	T45	47	161			
AIAL5018	T50	50	182			

CÂY LỰC GIÁC TOPTUL

Thương Hiệu	TOPTUL		Xuất Xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH				
AGAL	AGBL	AHBL		
Đơn Vị: mm				
Vật liệu: Thép hợp kim SNCM + V			Xử Lý Bề Mặt : Mạ Crom	
Mã Hàng	Size	Chiều Dài (L1)	Chiều Dài (L2)	Phân Loại
AGAL1E08	1.5	15.5	63.5	Loại chữ L Đầu Bằng Dài
AGAL0208	2	18	77	
AGAL2E09	2.5	20.5	87.5	
AGAL0310	3	23	93	
AGAL0411	4	29	104	
AGAL0512	5	33	120	
AGAL0614	6	38	141	
AGAL0715	7	41	147	
AGAL0816	8	44	158	
AGAL0917	9	47	166	
AGAL1018	10	50	180	
AGAL1222	12	57	199	
AGAL1424	14	70	244	
AGAL1727	17	80	267	
AGAL1930	19	89	299	
AGBL1E08	1.5	15.5	78.5	Loại chữ L Đầu Bì Dài
AGBL0208	2	18	85	
AGBL2E09	2.5	20.5	92.5	
AGBL0310	3	23	101	
AGBL0411	4	28	110	
AGBL0512	5	30	123	
AGBL0614	6	38	143	
AGBL0715	7	41	149	
AGBL0816	8	44	164	
AGBL1018	10	50	180	
AGBL1220	12	57	199	
AHBL0208	1/6"	15.5	78.5	Loại chữ L Đầu Bì Dài
AHBL2E08	5/64"	18	85	
AHBL0309	3/32"	20.5	92.5	
AHBL0410	1/8"	23	101	
AHBL0511	5/32"	28	110	
AHBL0612	3/16"	33	123	
AHBL0814	1/4"	38	143	
AHBL1016	5/16"	44	164	
AHBL1217	3/8"	50	180	

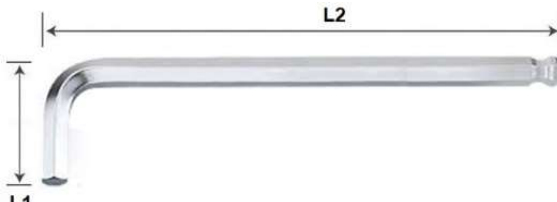
LỤC GIÁC EIGHT

Thương Hiệu	EIGHT	Xuất Xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH			
TLS-7S	TLS-9D	LHS-9D	
LHS-9NP	008-01		

Đơn Vị: mm

Vật liệu: Thép hợp kim SNCM + V Steel			Xử Lý Bề Mặt : Mạ Crom				
Mã Hàng	PC	Size	W	H	D	KL(g)	Phân Loại
TLS-7S	7	1.5 , 2 , 2.5 , 3 , 4 , 5 , 6	255	160	50	1,535	Loại Chữ L Đầu Bi
TLS-9D	9	1.5 , 2 , 2.5 , 3 , 4 , 5 , 6 , 8 , 10	320	100	110	2,540	
LHS-9D		1.5 , 2 , 2.5 , 3 , 4 , 5 , 6 , 8 , 10	322	104	110	2,566	Loại chữ L Đầu Bằng
LHS-9NP		1.5 , 2 , 2.5 , 3 , 4 , 5 , 6 , 8 , 10	307	105	125	3,159	
008-01		1.5 , 2 , 2.5 , 3 , 4 , 5 , 6 , 8 , 10	232	183	75	3,821	

CÂY LỤC GIÁC EIGHT

Thương Hiệu	EIGHT	Xuất Xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH			
			

Đơn Vị: mm

Vật liệu: Thép hợp kim SNCM + V Steel			Xử Lý Bề Mặt : Mạ Crom	
Mã Hàng	Size	Chiều Dài (L1)	Chiều Dài (L2)	Phân Loại
TL-1.5	1.5	16	79	Loại chữ L Đầu Bi
TL-2	2	17	95	
TL-2.5	2.5	18	110	
TL-3	3	20	126	
TL-4	4	25	142	
TL-5	5	28	160	
TL-6	6	32	180	
TL-8	8	36	200	
TL-10	10	40	224	
TL-11	11	43	240	
TL-12	12	45	250	
TL-14	14	55	280	
TL-17	17	60	320	
TL-19	19	70	360	

CÂY LỰC GIÁC EIGHT

Thương Hiệu

EIGHT

Xuất Xứ

Đài Loan

HÌNH ẢNH



Đơn Vị: mm

Vật liệu: Thép hợp kim SNCM + V

Xử Lý Bề Mặt : Phủ Parkerized Đen

Mã Hàng	Size	Chiều Dài (L1)	Chiều Dài (L2)	Phân Loại
008-1.5	5	16	79	Loại chữ L Đầu Bằng
008-2	2	17	86	
008-2.5	2.5	18	94	
008-3	3	20	101	
008-4	4	25	110	
008-5	5	28	120	
008-5.5	5.5	30	127	
008-6	6	32	133	
008-7	7	34	145	
008-8	8	36	154	
008-9	9	38	163	
008-10	10	40	172	
008-12	12	45	206	
008-14	14	55	225	
008-17	17	60	250	
008-19	19	70	280	

LỤC GIÁC STANLEY

Thương Hiệu	STANLEY	Xuất Xứ	Đài Loan
-------------	---------	---------	----------

HÌNH ẢNH



Đơn Vị: mm

Vật liệu : Thép hợp kim SNCM + V

Mã Hàng	Số Cái	Kích Thước	Phân Loại
69-256	9	1.5 , 2 , 2.5 , 3 , 4 , 5 , 6 , 8 , 10	Loại chữ L Đầu Bi
69-257	12	1/16 , 5/64 , 3/32 , 7/64 , 1/8 , 9/64 , 5/32 , 3/16 , 7/32 , 1/4 , 5/16 , 3/8"	
69-251	8	1.5 , 2 , 2.5 , 3 , 4 , 5 , 5.5 , 6	Loại chữ L Đầu Bằng
69-252		1/16 , 5/64 , 3/32 , 1/8 , 5/32 , 3/16 , 7/32 , 1/4"	
69-253	10	1.5 , 2 , 2.5 , 3 , 4 , 5 , 5.5 , 6 , 8 , 10	
69-254		1/16 , 5/64 , 3/32 , 1/8 , 5/32 , 3/16 , 7/32 , 1/4 , 5/16 , 3/8"	

LỤC GIÁC STANLEY

Thương Hiệu	STANLEY	Xuất Xứ	Đài Loan
-------------	---------	---------	----------

HÌNH ẢNH



Đơn Vị: mm

Vật liệu : Thép hợp kim SNCM + V

Mã Hàng	Số Cái	Kích Thước	Phân Loại
69-213	10	1.5 , 2 , 2.5 , 3 , 4 , 5 , 5.5 , 6 , 8 , 10	Loại chữ L Đầu Bằng
69-230		1/16 , 5/64 , 3/32 , 1/8 , 5/32 , 3/16 , 7/32 , 1/4 , 5/16 , 3/8"	

LỤC GIÁC KINGTORY

Thương Hiệu		KINGTORY	Xuất Xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH				
DL20210MR		DL20208MR và DL20208SR01		DL20209MR và DL20209SR02
				
DL20219MR		DL20107MR01 và DL20107SR		DL20109MR
				
DL20309PR		DL20319PR và DL20419PR		DL20409PR
				
DL20308PR		DL22208MR		DL20218MR
				
Vật liệu : Thép hợp kim SNCM + V			Xử Lý Bề Mặt : Mạ Crom	
Mã Hàng	Số Cái	Kích Thước	Phân Loại	
DL20210MR	10	H3 , H4 , H5 , H6 , H7 , H8 , H10 , H12 , H14 , H17	Loại Chữ L Dài Đầu Bằng	
DL20208MR	8	H2 , H2.5 , H3 , H4 , H5 , H6 , H8 , H10		
DL20208SR01		1/8 , 5/32 , 3/16 , 1/4 , 5/16 , 3/8 , 1/2 , 9/16		
DL20209MR		H1.5 , H2 , H2.5 , H3 , H4 , H5 , H6 , H8 , H10		
DL20209SR02	9	1/16 , 5/64 , 3/32 , 1/8 , 5/32 , 3/16 , 1/4 , 5/16 , 3/8	Loại Chữ L Ngắn Đầu Bằng	
DL20219MR	7	H1.5 , H2 , H2.5 , H3 , H4 , H5 , H6 , H8 , H10		
DL20107MR01		H2.5 , H3 , H4 , H5 , H6 , H8 , H10	Loại Chữ L Ngắn Đầu Bi	
DL20107SR		3/32 , 1/8 , 5/32 , 3/16 , 1/4 , 5/16 , 3/8		
DL20109MR	9	H1.5 , H2 , H2.5 , H3 , H4 , H5 , H6 , H8 , H10	Loại Chữ L Dài Đầu Bi	
DL20319PR		T10 , T15 , T20 , T25 , T27 , T30 , T40 , T45 , T50	Loại Chữ L Dài Đầu Bông	
DL20309PR		T10 , T15 , T20 , T25 , T27 , T30 , T40 , T45 , T50	Loại Chữ L Ngắn Đầu Bông	
DL20419PR		T10H,T15H,T20H,T25H,T27H,T30H,T40H,T45H,T50H	Loại Chữ L Dài Đầu Bông	
DL20409PR		T10H,T15H,T20H,T25H,T27H,T30H,T40H,T45H,T50H	Loại Chữ L Ngắn Đầu Bông	
DL20308PR	8	T9 , T10 , T15 , T20 , T25 , T27 , T30 , T40	Loại Xếp Đầu Bông	
DL22208MR		H2 , H2.5 , H3 , H4 , H5 , H6 , H8 , H10	Loại Chữ T Đầu Bằng	
DL20218MR		H2 , H2.5 , H3 , H4 , H5 , H6 , H8 , H10	Loại Xếp Đầu Bằng	

BỘ VẶN LỤC GIÁC NHIỀU MÀU EIGHT

Thương Hiệu	EIGHT	Xuất Xứ	Nhật Bản
-------------	-------	---------	----------

HÌNH ẢNH



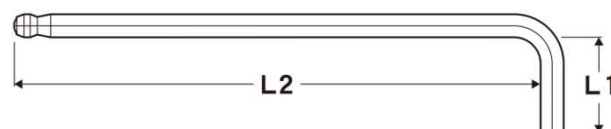
Đơn Vị: mm

Vật Liệu	Thép hợp kim SNCM + V	Xử Lý Bề Mặt	Mạ Crom/Sơn Nung Nhiệt
Mã hàng	Size Khóa	Màu	W x H x D
TLC-S9NRE	1.5, 2, 2.5, 3, 4, 5, 6, 8, 10 mm	Đỏ	305x100x110
TLC-S9NOR	1.5, 2, 2.5, 3, 4, 5, 6, 8, 10 mm	Cam	
TLC-S9NVE	1.5, 2, 2.5, 3, 4, 5, 6, 8, 10 mm	Vàng	
TLC-S9NGR	1.5, 2, 2.5, 3, 4, 5, 6, 8, 10 mm	Xanh Lá	
TLC-S9NBL	1.5, 2, 2.5, 3, 4, 5, 6, 8, 10 mm	Xanh Dương	
TLC-S9NPU	1.5, 2, 2.5, 3, 4, 5, 6, 8, 10 mm	Tím	

CÂY VẶN LỤC GIÁC NHIỀU MÀU EIGHT

Thương Hiệu	EIGHT	Xuất Xứ	Nhật Bản
-------------	-------	---------	----------

HÌNH ẢNH

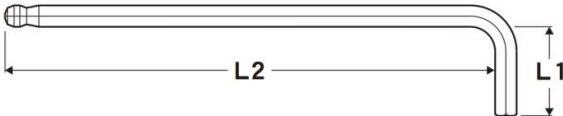


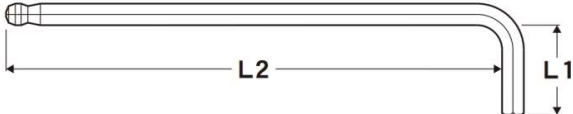
Đơn Vị: mm

Mã hàng	Mã màu	Màu	Size Khóa	Chiều Dài (L1)	Chiều Dài (L2)
TLC-1.5**	RE	Đỏ	1.5 mm	16	79
	OR	Cam			
	YE	Vàng			
	GR	Xanh lá			
	BL	Xanh dương			
	PU	Tím			

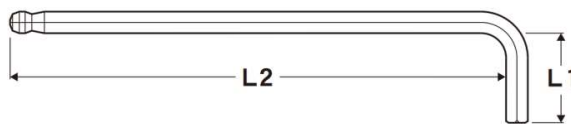
Đặt Hàng	Mã hàng+ Mã màu VD: TLC-1.5RE
Vật Liệu	Thép hợp kim SNCM + V Steel
Xử Lý Bề Mặt	Mạ Crom/Sơn Nung Nhiệt

CÂY VẶN LỰC GIÁC NHIỀU MÀU EIGHT

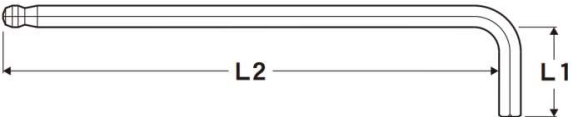
Thương Hiệu		EIGHT		Xuất Xứ		Nhật Bản	
HÌNH ẢNH							
							
Đơn Vị: mm				Đặt Hàng		Mã hàng+ Mã màu VD: TLC-2RE	
				Vật Liệu		Thép hợp kim SNCM + V Steel	
				Xử Lý Bề Mặt		Mạ Crom/Sơn Nung Nhiệt	
Mã hàng	Mã màu	Màu	Size Khóa	Chiều Dài (L1)	Chiều Dài (L2)		
TLC-2**	RE	Đỏ	2 mm	17	95		
	OR	Cam					
	YE	Vàng					
	GR	Xanh lá					
	BL	Xanh dương					
	PU	Tím					

CÂY VẶN LỰC GIÁC NHIỀU MÀU EIGHT															
Thương Hiệu		EIGHT		Xuất Xứ		Nhật Bản									
HÌNH ẢNH															
															
Đơn Vị: mm				<table><tr><td>Đặt Hàng</td><td colspan="2">Mã hàng+ Mã màu VD: TLC-2.5RE</td></tr><tr><td>Vật Liệu</td><td colspan="2">Thép hợp kim SNCM + V Steel</td></tr><tr><td>Xử Lý Bề Mặt</td><td colspan="2">Mạ Crom/Sơn Nung Nhiệt</td></tr></table>			Đặt Hàng	Mã hàng+ Mã màu VD: TLC-2.5RE		Vật Liệu	Thép hợp kim SNCM + V Steel		Xử Lý Bề Mặt	Mạ Crom/Sơn Nung Nhiệt	
Đặt Hàng	Mã hàng+ Mã màu VD: TLC-2.5RE														
Vật Liệu	Thép hợp kim SNCM + V Steel														
Xử Lý Bề Mặt	Mạ Crom/Sơn Nung Nhiệt														
Mã hàng	Mã màu	Màu	Size Khóa	Chiều Dài (L1)	Chiều Dài (L2)										
TLC-2.5**	RE	Đỏ	2.5 mm	18	110										
	OR	Cam													
	YE	Vàng													
	GR	Xanh lá													
	BL	Xanh dương													
	PU	Tím													

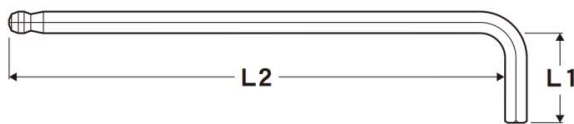
CÂY VẶN LỰC GIÁC NHIỀU MÀU EIGHT

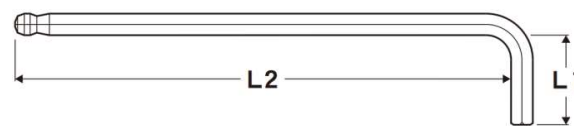
Thương hiệu		EIGHT		Xuất xứ		Nhật Bản					
HÌNH ẢNH											
											
Đơn Vị: mm				Đặt Hàng		Mã hàng+ Mã màu VD: TLC-3RE					
				Vật Liệu		Thép hợp kim SNCM + V Steel					
				Xử Lý Bề Mặt		Mạ Crom/Sơn Nung Nhiệt					
Mã hàng		Mã màu		Màu		Size Khóa		Chiều Dài (L1)		Chiều Dài (L2)	
TLC-3**		RE		Đỏ		3 mm		20		126	
		OR		Cam							
		YE		Vàng							
		GR		Xanh lá							
		BL		Xanh dương							
		PU		Tím							

CÂY VẶN LỰC GIÁC NHIỀU MÀU EIGHT

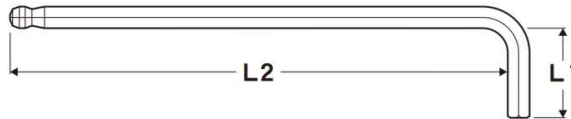
Thương hiệu		EIGHT		Xuất xứ		Nhật Bản	
HÌNH ẢNH							
							
Đơn Vị: mm				Đặt Hàng		Mã hàng+ Mã màu VD: TLC-4RE	
				Vật Liệu		Thép hợp kim SNCM + V Steel	
				Xử Lý Bề Mặt		Mạ Crom/Sơn Nung Nhiệt	
Mã hàng	Mã màu	Màu	Size Khóa	Chiều Dài (L1)	Chiều Dài (L2)		
TLC-4**	RE	Đỏ	4 mm	25	142		
	OR	Cam					
	YE	Vàng					
	GR	Xanh lá					
	BL	Xanh dương					
	PU	Tím					

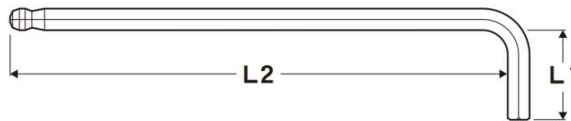
CÂY VẶN LỰC GIÁC NHIỀU MÀU EIGHT

CÂY VẶN LỤC GIÁC NHIỀU MÀU EIGHT															
Thương hiệu		EIGHT		Xuất xứ		Nhật Bản									
HÌNH ẢNH															
															
Đơn Vị: mm				<table><tr><td>Đặt Hàng</td><td colspan="2">Mã hàng+ Mã màu VD: TLC-5RE</td></tr><tr><td>Vật Liệu</td><td colspan="2">Thép hợp kim SNCM + V Steel</td></tr><tr><td>Xử Lý Bề Mặt</td><td colspan="2">Mạ Crom/Sơn Nung Nhiệt</td></tr></table>			Đặt Hàng	Mã hàng+ Mã màu VD: TLC-5RE		Vật Liệu	Thép hợp kim SNCM + V Steel		Xử Lý Bề Mặt	Mạ Crom/Sơn Nung Nhiệt	
Đặt Hàng	Mã hàng+ Mã màu VD: TLC-5RE														
Vật Liệu	Thép hợp kim SNCM + V Steel														
Xử Lý Bề Mặt	Mạ Crom/Sơn Nung Nhiệt														
Mã hàng	Mã màu	Màu	Size Khóa	Chiều Dài (L1)	Chiều Dài (L2)										
TLC-5**	RE	Đỏ	5 mm	28	160										
	OR	Cam													
	YE	Vàng													
	GR	Xanh lá													
	BL	Xanh dương													
	PU	Tím													

CÂY VẶN LỰC GIÁC NHIỀU MÀU EIGHT															
Thương hiệu		EIGHT		Xuất xứ		Nhật Bản									
HÌNH ẢNH															
															
Đơn Vị: mm				<table><tr><td>Đặt Hàng</td><td colspan="2">Mã hàng+ Mã màu VD: TLC-6RE</td></tr><tr><td>Vật Liệu</td><td colspan="2">Thép hợp kim SNCM + V Steel</td></tr><tr><td>Xử Lý Bề Mặt</td><td colspan="2">Mạ Crom/Sơn Nung Nhiệt</td></tr></table>			Đặt Hàng	Mã hàng+ Mã màu VD: TLC-6RE		Vật Liệu	Thép hợp kim SNCM + V Steel		Xử Lý Bề Mặt	Mạ Crom/Sơn Nung Nhiệt	
Đặt Hàng	Mã hàng+ Mã màu VD: TLC-6RE														
Vật Liệu	Thép hợp kim SNCM + V Steel														
Xử Lý Bề Mặt	Mạ Crom/Sơn Nung Nhiệt														
Mã hàng	Mã màu	Màu	Size Khóa	Chiều Dài (L1)	Chiều Dài (L2)										
TLC-6**	RE	Đỏ	6 mm	32	180										
	OR	Cam													
	YE	Vàng													
	GR	Xanh lá													
	BL	Xanh dương													
	PU	Tím													

CÂY VẶN LỰC GIÁC NHIỀU MÀU EIGHT

CÂY VẶN LỤC GIÁC NHIỀU MÀU EIGHT															
Thương hiệu		EIGHT		Xuất xứ		Nhật Bản									
HÌNH ẢNH															
															
Đơn Vị: mm				<table><tr><td>Đặt Hàng</td><td colspan="2">Mã hàng+ Mã màu VD: TLC-8RE</td></tr><tr><td>Vật Liệu</td><td colspan="2">Thép hợp kim SNCM + V Steel</td></tr><tr><td>Xử Lý Bề Mặt</td><td colspan="2">Mạ Crom/Sơn Nung Nhiệt</td></tr></table>			Đặt Hàng	Mã hàng+ Mã màu VD: TLC-8RE		Vật Liệu	Thép hợp kim SNCM + V Steel		Xử Lý Bề Mặt	Mạ Crom/Sơn Nung Nhiệt	
Đặt Hàng	Mã hàng+ Mã màu VD: TLC-8RE														
Vật Liệu	Thép hợp kim SNCM + V Steel														
Xử Lý Bề Mặt	Mạ Crom/Sơn Nung Nhiệt														
Mã hàng	Mã màu	Màu	Size Khóa	Chiều Dài (L1)	Chiều Dài (L2)										
TLC-8**	RE	Đỏ	8 mm	36	200										
	OR	Cam													
	YE	Vàng													
	GR	Xanh lá													
	BL	Xanh dương													
	PU	Tím													

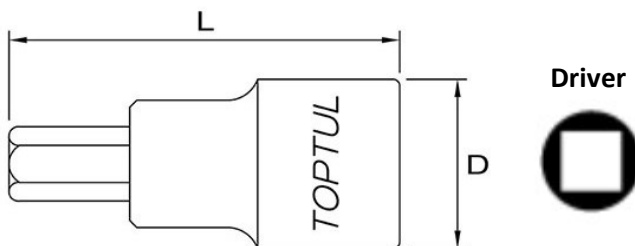
CÂY VẶN LỰC GIÁC NHIỀU MÀU EIGHT															
Thương hiệu		EIGHT		Xuất xứ		Nhật Bản									
HÌNH ẢNH															
															
Đơn Vị: mm				<table><tr><td>Đặt Hàng</td><td colspan="2">Mã hàng+ Mã màu VD: TLC-10RE</td></tr><tr><td>Vật Liệu</td><td colspan="2">Thép hợp kim SNCM + V Steel</td></tr><tr><td>Xử Lý Bề Mặt</td><td colspan="2">Mạ Crom/Sơn Nung Nhiệt</td></tr></table>			Đặt Hàng	Mã hàng+ Mã màu VD: TLC-10RE		Vật Liệu	Thép hợp kim SNCM + V Steel		Xử Lý Bề Mặt	Mạ Crom/Sơn Nung Nhiệt	
Đặt Hàng	Mã hàng+ Mã màu VD: TLC-10RE														
Vật Liệu	Thép hợp kim SNCM + V Steel														
Xử Lý Bề Mặt	Mạ Crom/Sơn Nung Nhiệt														
Mã hàng	Mã màu	Màu	Size Khóa	Chiều Dài (L1)	Chiều Dài (L2)										
TLC-10**	RE	Đỏ	10 mm	40	224										
	OR	Cam													
	YE	Vàng													
	GR	Xanh lá													
	BL	Xanh dương													
	PU	Tím													

BỘ VẶN LỤC GIÁC TOPTUL NHIỀU MÀU

Thương hiệu	TOPTUL	Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH			
			
Vật Liệu	Thép hợp kim SNCM + V Steel	Xử Lý Bề Mặt	
Mã hàng	Size Khóa	Phân loại	
GAAL0918	1.5, 2, 2.5, 3, 4, 5, 6, 8, 10 mm	Loại Đầu Bông Dài Nhiều Màu 9PCS	

ĐẦU VẶN TUÝP LỤC GIÁC TOPTUL

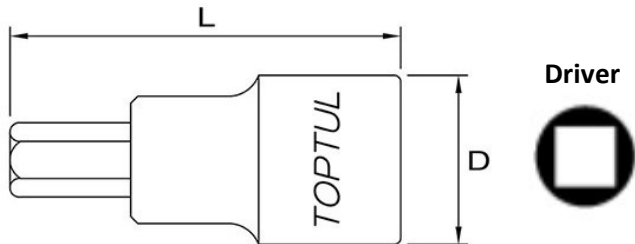
Thương hiệu	TOPTUL	Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH	HÌNH VẼ		



Vật Liệu	Thép Cr-V + S2		Xử Lý Bề Mặt	Đánh Bóng Sáng
Mã hàng	Size Khóa (mm)	L (mm)	D (mm)	Driver (mm sq)
BCDA0807	7	37	11.9	6.35
BCDA1203	3	48	17.9	9.5
BCDA1204	4			
BCDA1207	7			
BCDA1208	8			
BCDA1604	4	55	23.9	12.7
BCDA1605	5			
BCDA1606	6			
BCDA1607	7			
BCDA1608	8			
BCDA1610	10			
BCDA1612	12			
BCDA1614	14			
BCDA1617	17			
BCDA1619	19		25.8	

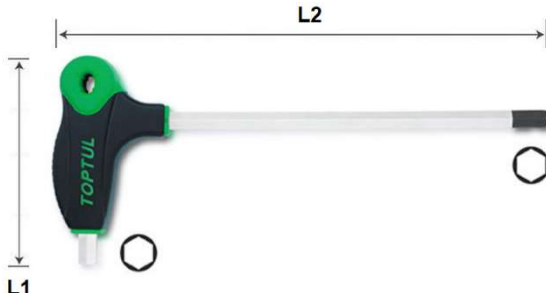
Mã hàng	Size Khóa (inch)	L (mm)	D (mm)	Driver (mm sq)
BDDA0804	1/8"	37	11.9	6.35
BDDA0805	5/32"			
BDDA0806	3/16"			
BDDA0807	7/32"			
BDDA0808	1/4"	48	17.9	9.5
BDDA1204	1/8"			
BDDA1205	5/32"			
BDDA1207	7/32"			
BDDA1210	5/16"			
BDDA1212	3/8"	55	23.9	12.7
BDDA1614	7/16"			
BDDA1616	1/2"			

ĐẦU VẬN TUÝP LỰC GIÁC TOPTUL

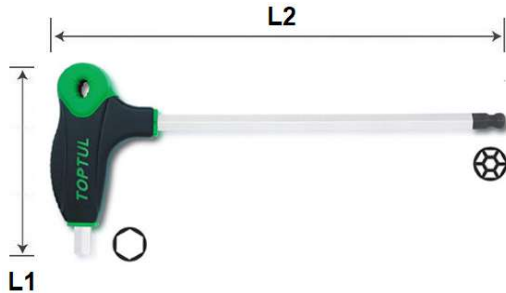
Thương hiệu	TOPTUL		Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH			HÌNH VẼ	
				
Vật Liệu	Thép Cr-V + S2		Xử Lý Bề Mặt	Đánh Bóng Sáng
Mã hàng	Size Khóa (mm)	L (mm)	D (mm)	Driver (mm sq)
BCDA2414	14	79	32.7	20
BCDA2417	17			
BCDA2419	19			
BCDA2422	22			

Mã hàng	Size Khóa (inch)	L (mm)	D (mm)	Drive (mm sq)
BDDA0804	1/8"	37	11.9	6.3
BDDA0805	5/32"			
BDDA0806	3/16"			
BDDA0807	7/32"			
BDDA0808	1/4"			
BDDA1204	1/8"	48	17.9	10
BDDA1205	5/32"			
BDDA1206	3/16"			
BDDA1207	7/32"			
BDDA1208	1/4"			
BDDA1210	5/16"			
BDDA1212	3/8"			
BDDA1608	1/4"	55	23.9	12.5
BDDA1610	5/16"			
BDDA1612	3/8"			
BDDA1614	7/16"			
BDDA1616	1/2"			
BDDA1618	9/16"			
BDDA1620	5/8"			
BDDA1624	3/4"		25.8	

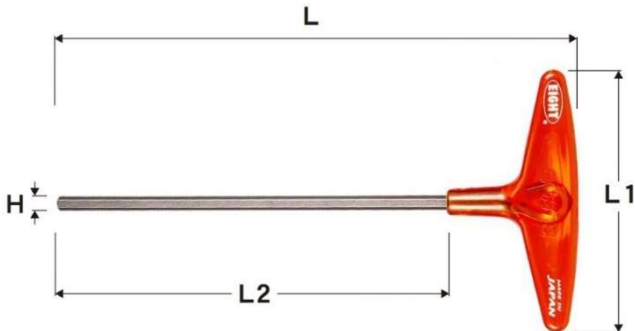
CÂY VẬN LỰC GIÁC HAI ĐẦU CÓ TAY CẦM TOPTUL

CÂY VẶN LỰC GIÁC HAI ĐẦU CÓ TAY CẦM TOPTUL				
Thương hiệu	TOPTUL		Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH				
 Đơn Vị: mm				
Vật Liệu	Thép hợp kim SNCM + V		Xử Lý Bề Mặt	Đánh Bóng Sáng
Mã hàng	Size Khóa	Chiều Dài (L1)	Chiều Dài (L2)	Phân loại
AGHD0214	2	77	140	Lực Giác Hai Đầu Có Tay Cầm
AGHD2E14	2.5			
AGHD0314	3			
AGHD0414	4			
AGHD0520	5	97	203	
AGHD0620	6			
AGHD0720	7			
AGHD0827	8	116	265	
AGHD1027	10			
AGHD1227	12			

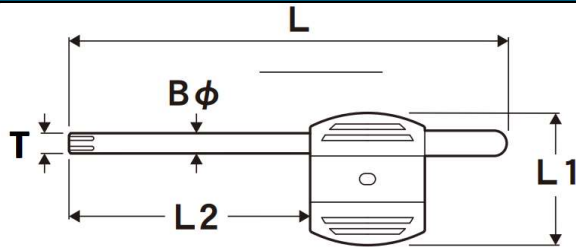
CÂY VẬN LỰC GIÁC HAI ĐẦU CÓ TAY CẦM TOPTUL

CÂY VẶN LỰC GIÁC HAI ĐẦU CÓ TAY CẦM TOPTUL				
Thương hiệu	TOPTUL		Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH				
 Đơn Vị: mm				
Vật Liệu	Thép hợp kim SNCM + V		Xử Lý Bề Mặt	Đánh Bóng Sáng
Mã hàng	Size Khóa	Chiều Dài (L1)	Chiều Dài (L2)	Phân loại
AGCD0214	2	77	140	Lực Giác Đầu Bi và Đầu Bằng
AGCD2E14	2.5			
AGCD0314	3			
AGCD0414	4			
AGCD0520	5	97	203	
AGCD0620	6			
AGCD0720	7			
AGCD0827	8	116	265	
AGCD1027	10			
AGCD1227	12			

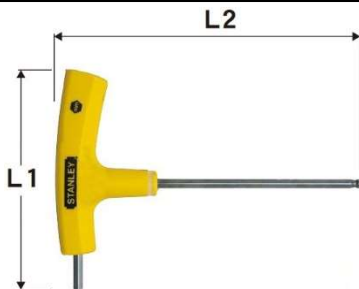
CÂY VẶN LỰC GIÁC CÓ TAY CẦM EIGHT

CÂY VẶN LỤC GIÁC CÓ TAY CẦM EIGHT					
Thương hiệu	EIGHT		Xuất xứ	Đài Loan	
HÌNH ẢNH					
					
Đơn Vị: mm					
Vật Liệu	Thép hợp kim SNCM + V			Xử Lý Bề Mặt	Mạ Niken
Mã hàng	Size Khóa (H)	L	L1	L2	K.Lượng (g)
018-2	2	110	85	71	316
018-2.5	2.5	150	85	110	358
018-3	3	167	85	126	405
018-4	4	180	100	130	620
018-5	5	203	100	153	773
018-6	6	233	120	173	1313

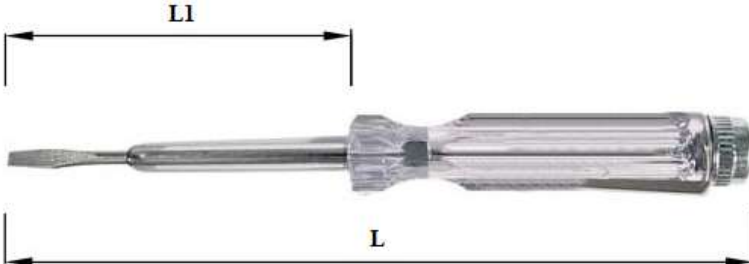
CÂY VẶN LỰC GIÁC CÓ TAY CẦM EIGHT

CÂY VẶN LỰC GIÁC CÓ TAY CẦM EIGHT						
Thương hiệu	EIGHT			Xuất xứ	Đài Loan	
HÌNH ẢNH			HÌNH VẼ			
						
Đơn Vị: mm						
Vật Liệu	Thép hợp kim SNCM + V			Xử Lý Bề Mặt	Mạ Parkerized Đen	
Mã hàng	Size Khóa (T)	L	L1	L2	Bφ	K.Lượng (g)
XF-6	T 6	62	18	33	2.3	69
XF-8	T 8	71	21	38	2.3	79
XF-10	T 10	80.5	24	44.5	2.8	95
XF-15	T 15	84	29	46	3.3	132

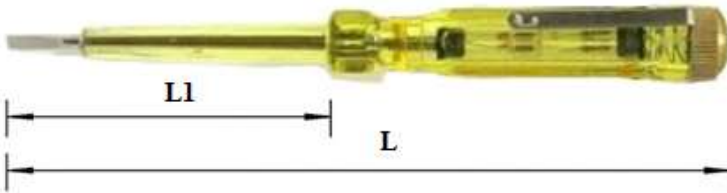
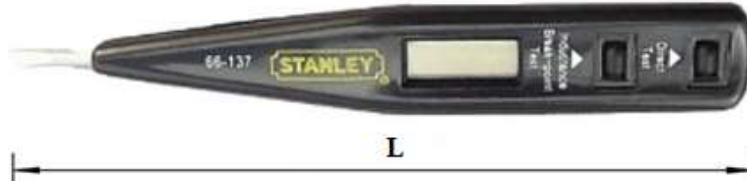
CÂY VẶN LỰC GIÁC HAI ĐẦU CÓ TAY CẦM STANLEY

Thương hiệu		STANLEY		Xuất xứ		China	
HÌNH ẢNH							
				Đơn Vị: mm			
Vật Liệu				Thép hợp kim Cr-V			
Mã hàng	Size Khóa	L1	L2	Khối Lượng (g)	Phân Loại		
69-280	4	92	165	65	Lực Giác Đầu Bi và Đầu Bằng		

BÚT THỬ ĐIỆN KINGTONY

Thương hiệu		KINGTONY		
				
Đơn Vị : mm				
Mã Hàng	Chiều Dài (L)	Chiều Dài (L1)	Phạm Vi Kiểm Tra (V)	Đèn Báo
DL 6CB02	140	65.5	100~250	Neon

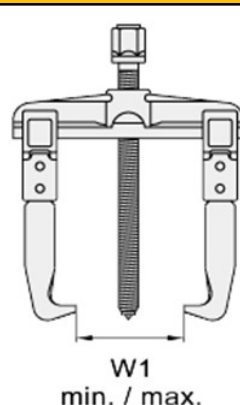
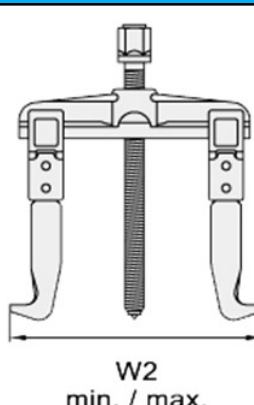
BÚT THỬ ĐIỆN STANLEY

Thương hiệu	STANLEY		Xuất Xứ	Trung Quốc
				
Đơn Vị : mm				
Mã Hàng	Kích Thước (L)	Kích Thước (L1)	Phạm Vi Kiểm Tra (V)	
66-119	127	50		
66-120	178	100		
				
Đơn Vị : mm				
Mã Hàng	Kích Thước (L)	Phạm Vi Kiểm Tra (V)		
66-133	132	12 , 36 , 55 , 110 , 220		
				
Đơn Vị : mm				
Mã Hàng	Kích Thước (L)	Phạm Vi Kiểm Tra (V)		
66-137	130	100~500		

CẢO 2 CHẤU TOPTUL

Thương hiệu		TOPTUL	Vật Liệu	Thép Hợp Kim
-------------	--	--------	----------	--------------



Đơn Vị : mm

Mã Hàng	Độ Rộng Hàm Kẹp
JJAL0203	75
JJAL0204	100
JJAL0206	150
JJAL0208	200
JJAL0212	300

Mã Hàng	Size	W1 (MIN/MAX)	W2 (MIN/MAX)
JJAL1208	80	30-80	90-150
JJAL1212	120	30-120	90-180
JJAL1216	160	40-160	90-220
JJAL1220	200	40-200	90-260

CẢO 2 CHẤU ASAKI

Thương hiệu		ASAKI	Vật Liệu	Thép Hợp Kim
-------------	--	-------	----------	--------------



Mã Hàng	Độ Rộng Hàm Kẹp (mm)
AK-1032	75
AK-1033	100
AK-1034	150
AK-1035	200
AK-1036	250

CẢO 2 CHẤU STANLEY

Thương hiệu		STANLEY	Xuất Xứ	Trung Quốc
-------------	--	---------	---------	------------



Mã Hàng	Độ Rộng Hàm Kẹp	Vật Liệu
70-750-S	100	Thép Hợp Kim
70-751-S	150	
70-866-S	200	
70-867-S	250	
70-868-S	300	

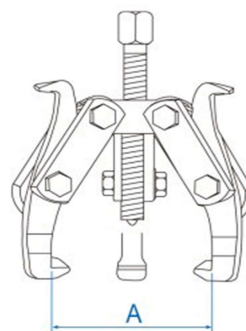
Đơn Vị: mm

CẢO 3 CHẤU

HÌNH ẢNH



HÌNH VẼ



Vật Liệu	Thép Cr-V	Thương Hiệu	Toptul
Mã hàng	Kích Thước (Inch)	Độ Rộng Hàm Kẹp A (mm)	
JJAL0303	3	76	
JJAL0304	4	100	
JJAL0306	6	150	
JJAL0308	8	203	
JJAL0312	12	300	

CẢO 3 CHẤU

HÌNH ẢNH



Thương Hiệu	Stanley	Xuất Xứ	China
Mã hàng	Kích Thước (Inch)	Độ Rộng Hàm Kẹp (mm)	
70-875-S	8	200	
70-876-S	10	250	
70-877-S	12	300	

CẢO 3 CHẤU

HÌNH ẢNH



Xuất Xứ	Nhật Bản	Thương Hiệu	Asaki
Mã hàng	Kích Thước (Inch)	Độ Rộng Hàm Kẹp (mm)	
AK-1037	3	75	
AK-1038	4	100	
AK-1039	6	150	
AK-1040	8	203	
AK-1041	10	250	
AK-1042	12	300	
AK-1043	14	350	
AK-1044	16	400	
AK-1045	20	500	
AK-1116	4	100	
AK-1117	6	150	
AK-1118	8	203	
AK-1119	10	250	

CẢO CHỮ C ASAKI

Thương Hiệu	ASAKI	Xuất Xứ	Nhật Bản
			
		Mã Hàng	Độ Rộng Hàm Kẹp (mm)
		AK-6259	25
		AK-6260	50
		AK-6262	75
		AK-6263	100
		AK-6264	125
		AK-6265	150
		AK-6266	200
		AK-6267	250
		AK-6268	300

CẢO CHỮ C STANLEY

Thương Hiệu	STANLEY	Xuất Xứ	Trung Quốc
			
		Mã Hàng	Độ Rộng Hàm Kẹp (mm)
		83-032K	50
		83-033K	75
		83-034K	100
		83-036K	200

CỜ LÊ HAI ĐẦU MỞ TOPTUL

CỜ LÊ HAI ĐẦU MỞ TOPTUL			
Thương hiệu	TOPTUL	Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH		HÌNH VẼ	
			
Vật Liệu	Thép Cr-V	Xử Lý Bề Mặt	Mạ Crom
Mã hàng	Kích Thước Khóa (mm)	Chiều Dài L (mm)	
AAEJE507	5.5x7	127	
AAEJ0405	4x5	99	
AAEJ0607	6x7	127	
AAEJ0608	6x8	127	
AAEJ0809	8x9	145	
AAEJ0810	8x10	145	
AAEJ0911	9x11	161	
AAEJ1011	10x11	161	
AAEJ1012	10x12	161	
AAEJ1013	10x13	174	
AAEJ1113	11x13	174	
AAEJ1213	12x13	174	
AAEJ1214	12x14	174	
AAEJ1315	13x15	190	
AAEJ1317	13x17	194	
AAEJ1415	14x15	190	
AAEJ1417	14x17	194	
AAEJ1617	16x17	210	
AAEJ1618	16x18	210	
AAEJ1719	17x19	223	
AAEJ1819	18x19	223	
AAEJ1921	19x21	236	
AAEJ1922	19x22	236	
AAEJ2021	20x21	236	
AAEJ2022	20x22	236	
AAEJ2123	21x23	246	
AAEJ2224	22x24	246	
AAEJ2426	24x26	267	
AAEJ2427	24x27	267	
AAEJ2528	25x28	267	
AAEJ2628	26x28	267	
AAEJ2729	27x29	284	
AAEJ2730	27x30	284	

CỜ LÊ HAI ĐẦU MỞ TOPTUL

CỜ LÊ HAI ĐẦU MỞ TOPTUL			
Thương hiệu	TOPTUL	Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH		HÌNH VẼ	
			
Vật Liệu	Thép Cr-V	Xử Lý Bề Mặt	Mạ Crom
Mã hàng	Kích Thước Khóa (mm)		Chiều Dài L (mm)
AAEJ2732	27x32		294
AAEJ3032	30x32		
AAEJ3235	32x35		325
AAEJ3236	32x36		
AAEJ3335	33x35		
AAEJ3436	34x36		
AAEJ3538	35x38		377
AAEJ3641	36x41		
AAEJ3842	38x42		
AAEJ4146	41x46		426
AAEJ4650	46x50		477
AAEJ5055	50x55		504
AAEJ5560	55x60		

CỜ LÊ HAI ĐẦU VÒNG 45 ĐỘ TOPTUL

Thương hiệu	TOPTUL	Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH		HÌNH VẼ	
			
Vật Liệu	Thép Cr-V	Xử Lý Bề Mặt	Đánh Bóng
Mã Hàng	Kích Thước Khóa (mm)		Chiều Dài L (mm)
AAAK0809	8x9	116	
AAAK1011	10x11		
AAAK1213	12x13		
AAAK1415	14x15	141	
AAAK1617	16x17		
AAAK1819	18x19		
		158	

CỜ LÊ HAI ĐẦU VÒNG 45 ĐỘ TOPTUL

Thương hiệu	TOPTUL	Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH		HÌNH VẼ	
			
Vật Liệu	Thép Cr-V	Xử Lý Bề Mặt	Đánh Bóng
Mã hàng	Kích Thước Khóa (mm)		Chiều Dài L (mm)
AAEH0607	6x7		165
AAEH0608	6x8		
AAEH0708	7x8		
AAEH0809	8x9		170
AAEH0810	8x10		
AAEH1011	10x11		
AAEH1012	10x12		195
AAEH1113	11x13		206
AAEH1213	12x13		
AAEH1214	12x14		
AAEH1317	13x17		237
AAEH1415	14x15		232

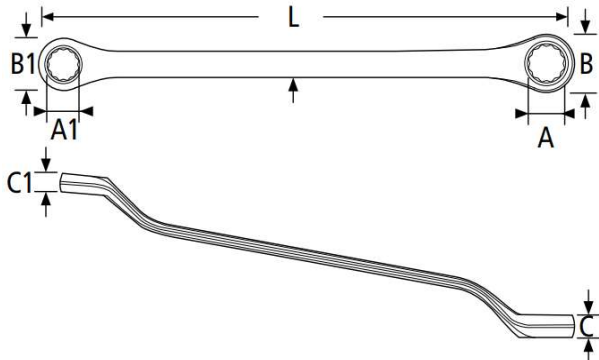
CỜ LÊ HAI ĐẦU VÒNG 45 ĐỘ TOPTUL

Thương hiệu	TOPTUL	Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH		HÌNH VẼ	

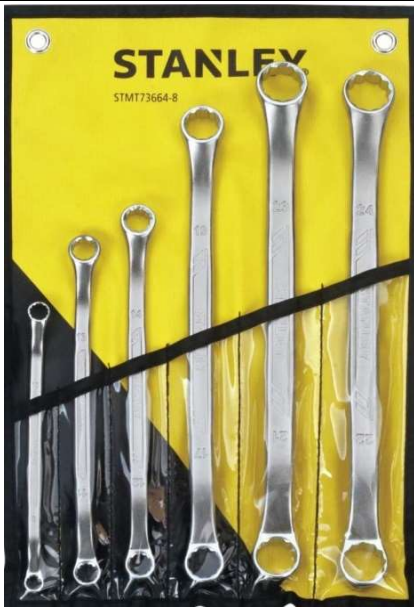


Vật Liệu	Thép Cr-V	Xử Lý Bề Mặt	Đánh Bóng
Mã Hàng	Kích Thước Khóa (mm)		Chiều Dài L (mm)
AAEH1417	14x17		237
AAEH1617	16x17		
AAEH1719	17x19		
AAEH1819	18x19		270
AAEH1921	19x21		
AAEH1922	19x22		
AAEH2022	20x22		292
AAEH2123	21x23		
AAEH2224	22x24		
AAEH2326	23x26		327
AAEH2426	24x26		
AAEH2427	24x27		
AAEH2528	25x28		362
AAEH2628	26x28		
AAEH2629	26x29		
AAEH2729	27x29		372
AAEH2730	27x30		
AAEH2732	27x32		
AAEH3032	30x32		380
AAEH3034	30x34		
AAEH3236	32x36		
AAEH3436	34x36		392
AAEH3641	36x41		
AAEH3842	38x42		
AAEH4146	41x46		402
AAEH4650	46x50		
AAEH5560	55x60		
			440
			470
			510
			610

CỜ LÊ HAI ĐẦU VÒNG 45 ĐỘ STANLEY

Thương hiệu		STANLEY			Xuất xứ		Đài Loan		
HÌNH ẢNH					HÌNH VẼ				
									
Vật Liệu		Thép Cr-V			Xử Lý Bề Mặt		Sơn Mờ		
Mã hàng	Kích Thước (mm)	Chiều Dài L (mm)	A (mm)	A1(mm)	B (mm)	B1 (mm)	C (mm)	C1 (mm)	Khối Lượng (g)
STMT72859	8x10	178.8	8	9.5	13.6	14.4	6.7	6.7	50
STMT72861	11x13	214.8	11	12.6	17.9	20.3	8.3	8.3	100
STMT72862	12x14	230.8	12.6	14	20.3	23.2	9.5	9.5	120
STMT72869	22x24	320.8	20.7	22.1	30.7	33.4	18	18	380

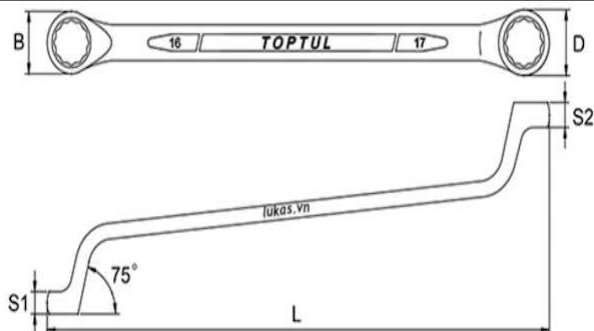
BỘ CỜ LÊ HAI ĐẦU VÒNG 45 ĐỘ STANLEY

Thương hiệu	STANLEY	Xuất xứ	Đài Loan	
HÌNH ẢNH		HÌNH VẼ		
				
Mã hàng	Kích Thước (mm)	Chiều Dài (mm)	Chiều Rộng (mm)	Khối lượng (g)
STMT73664	8x10 , 11x13 , 12x14 , 17x19 , 21x23 , 22x24	406	67	1410

BỘ CỜ LÊ HAI ĐẦU VÒNG 45 ĐỘ KINGTONY

Thương hiệu	KINGTONY	Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH		HÌNH VẼ	
Mã hàng	Số Cái	Kích Thước (mm)	
DL 1712MR	12	6x7, 8x9, 10x11, 12x13, 14x15, 16x17, 18x19, 20x22, 21x23, 24x26, 25x28, 30x32	
DL 12214MR	14	8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 22, 24	

CỜ LÊ 2 ĐẦU VÒNG 75 ĐỘ TOPTUL

Thương hiệu		TOPTUL		Xuất xứ		Đài Loan	
HÌNH ẢNH				HÌNH VẼ			
							
Vật Liệu		Thép Cr-V		Xử Lý Bề Mặt		Đánh Bóng	
Mã hàng	Kích Thước (mm)	Chiều Dài L (mm)	B (mm)	D (mm)	S1 (mm)	S2 (mm)	
AAAIE507	5.5x7	167	10.5	12.8	5.3	6	
AAAI0608	6x8	172		12		13.5	6.3
AAAI0708	7x8						
AAAI0809	8x9	182	13.5	15	6.3	7	
AAAI0810	8x10			15.3			
AAAI1013	10x13	217	16.5	21	8.7	9	
AAAI1113	11x13		18				
AAAI1315	13x15	238	21	23.5	9	9.5	
AAAI1316	13x16	245	21.5	25.5	9.2	10.5	
AAAI1415	14x15	238	22	23.5	9	9.5	
AAAI1417	14x17	245		26	9.2	10.5	
AAAI1819	18x19	290	27.3	29.5	11	12	
AAAI2224	22x24	324	33.7	36.7	12	13	
AAAI2426	24x26	328	37.2	40.5	12.5	14.1	
AAAI2528	25x28	345	39.5	43	13.5	14.5	
AAAI2732	27x32	353	41.5	46.2	14.1	15.5	

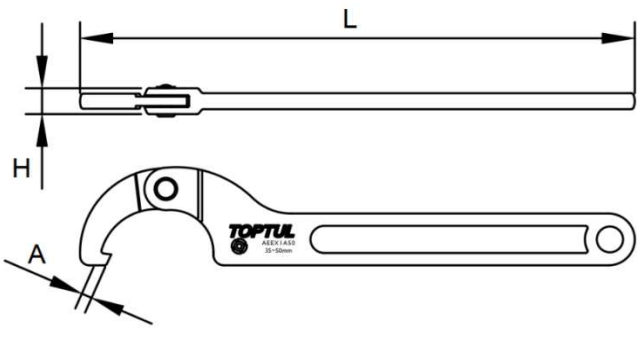
CỜ LÊ HAI ĐẦU VÒNG TỰ ĐỘNG TOPTUL

Thương hiệu		TOPTUL		Xuất xứ		Đài Loan	
HÌNH ẢNH				HÌNH VẼ			
							
Vật Liệu		Thép Cr-V		Xử Lý Bề Mặt		Satin Crom Finished	
Mã hàng	Kích Thước (mm)	Chiều Dài L (mm)	B (mm)	D (mm)	S1 (mm)	S2 (mm)	
AOAG0809	8x9	128	16.8	20.2	6.5	6.9	
AOAG1011	10x11	150	20.2	21.8	7.3	7.7	
AOAG1213	12x13	170	23	24.8	8.2	8.6	
AOAG1415	14x15	190	26.5	29.5	9	9.4	
AOAG1618	16x18	210	29.5	33.5	9.9	10.7	
AOAG1719	17x19	230	31.5	33.5	10.3	11.2	

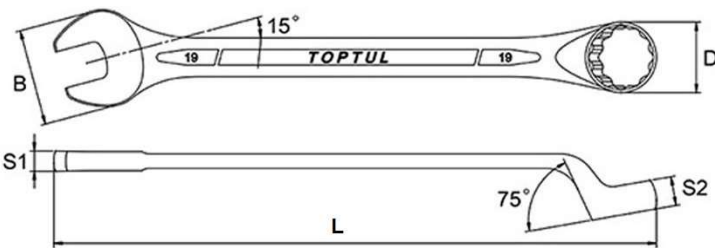
CỜ LÊ HAI VÒNG ĐẦU GẮP LẮT LÉO TOPTUL

Thương hiệu	TOPTUL	Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH		HÌNH VẼ	
			
Vật Liệu	Thép Cr-V	Xử Lý Bề Mặt	Mạ Crom
Mã hàng	Kích Thước Khóa (mm)		Chiều Dài L (mm)
AOAE0809	8x9		182
AOAE1011	10x11		188
AOAE1213	12x13		213
AOAE1415	14x15		225
AOAE1618	16x18		235
AOAE1719	17x19		238

CỜ LÊ MÓC TOPTUL

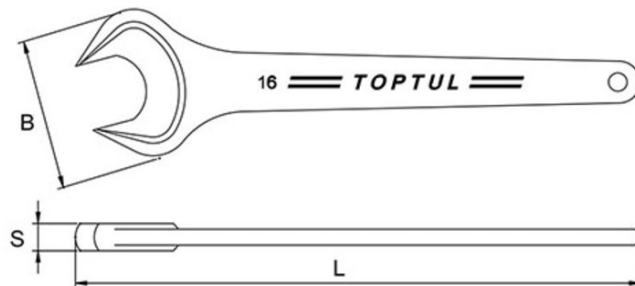
Thương hiệu		TOPTUL	Xuất xứ		Đài Loan
HÌNH ẢNH			HÌNH VẼ		
					
Vật Liệu		Thép Cr-V		Xử Lý Bề Mặt	Satin Finished
Mã hàng	Kích Thước (mm)	Chiều Dài L (mm)	Bề Dày H (mm)	Kích Thước A (mm)	
AEEX1A35	13-35	170	9	3.5	
AEEX1A50	35-50	215	10	4.5	
AEEX1A80	50-80	285	12	5.5	
AEEX1AA2	80-120	345	13	6	
AEEX1AA8	120-180	465	15	8	

CỜ LÊ VÒNG MIỆNG ĐẦU 75 ĐỘ TOPTUL

CỜ LÊ VÒNG MIỆNG ĐẦU 75 ĐỘ TOPTUL						
Thương hiệu		TOPTUL		Xuất xứ		Đài Loan
HÌNH ẢNH				HÌNH VẼ		
						
Vật Liệu	Thép Cr-V			Xử Lý Bề Mặt	Mạ Crom	
Mã hàng	Size Khóa (mm)	L (mm)	A (mm)	B (mm)	D (mm)	H(mm)
AAAN0909	9	140	20.4	14.9	4.2	6.9
AAAN2222	22	285	47.9	32.6	9	12.4
AAAN2323	23	315	51.1	36.4	9.6	12.9
AAAN2424	24					
AAAN2525	25	345	55.9	39.4	10	13.4
AAAN2626	26			39.6		
AAAN2727	27	365	59.1	41.4	10.8	14
AAAN2828	28			41.6		
AAAN2929	29	395	62.7	44.6	11.3	14.9
AAAN3030	30					
AAAN3232	32	415	67	48.4	11.8	16.4

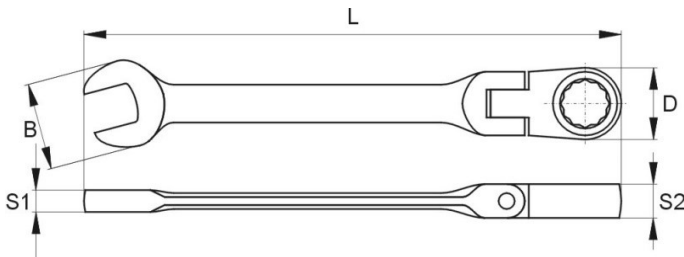
CỜ LÊ MỘT ĐẦU MỞ TOPTUL

Thương hiệu	TOPTUL	Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH	HÌNH VẼ		



Vật Liệu	Thép Cr-V	Xử Lý Bề Mặt	Black Photphat Finished
Mã hàng	Kích Thước Khóa (mm)	Chiều Dài L (mm)	
AAAT1616	16	161	
AAAT1717	17		
AAAT1818	18		
AAAT1919	19	177	
AAAT2020	20		
AAAT2121	21		
AAAT2222	22	197	
AAAT2323	23		
AAAT2424	24		
AAAT2525	25	216	
AAAT2626	26		
AAAT2727	27		
AAAT2828	28	243	
AAAT2929	29		
AAAT3030	30		
AAAT3232	32	273	
AAAT3333	33		
AAAT3434	34		
AAAT3535	35	299	
AAAT3636	36		
AAAT3838	38		
AAAT4141	41	337	
AAAT4242	42		
AAAT4343	43		
AAAT4444	44	374	
AAAT4545	45		
AAAT4646	46		
AAAT4848	48	417	
AAAT5050	50		
AAAT5555	55		
AAAT5858	58	496	
AAAT6060	60		

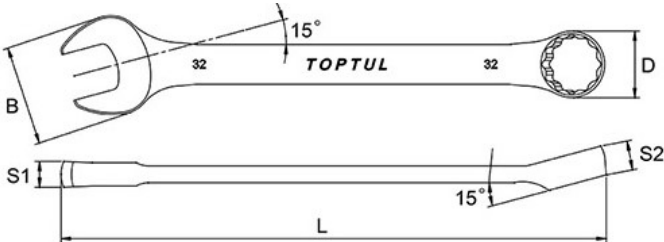
CỜ LÊ VÒNG MIỆNG GẤP LẮT LÉO TOPTUL

Thương hiệu	TOPTUL	Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH		HÌNH VẼ	
			
Vật Liệu	Thép Cr-V	Xử Lý Bề Mặt	Mạ Crom
Mã hàng	Kích Thước Khóa (mm)	Chiều Dài (L1)	
AOAD0808	8	136	
AOAD0909	9	158	
AOAD1010	10	175	
AOAD1111	11	185	
AOAD1212	12	193	
AOAD1313	13	213	
AOAD1414	14	231	
AOAD1515	15	249	
AOAD1616	16		
AOAD1717	17		
AOAD1818	18		
AOAD1919	19		

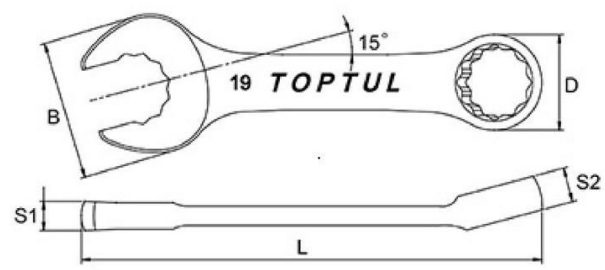
CỜ LÊ VÒNG MIỆNG KINGTONY

Thương hiệu	KINGTONY	Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH			
			
Vật Liệu	Thép Cr-V	Vật liệu Túi	Nylon
Mã hàng	Kích Thước (mm)		
DL 1214MR10	10, 11, 12, 13, 14, 16, 17, 19, 21, 22, 24, 27, 30, 32		
DL 1215MR	8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 19, 21, 22, 24		
DL 1214SR	5/16, 3/8, 7/16, 1/2, 9/16, 5/8, 11/16, 3/4, 13/16, 7/8, 15/16, 1, 1-1/8, 1-1/4 (inch)		
DL 1218MR01	6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 24		
DL 1226MR	6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 32		
DL 1207MR	10, 11, 12, 13, 14, 17, 19		

CỜ LÊ VÒNG MIỆNG TOPTUL

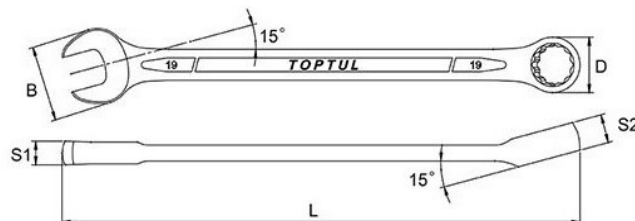
Thương hiệu		TOPTUL		Xuất xứ		Đài Loan	
HÌNH ẢNH				HÌNH VẼ			
							
Vật Liệu		Thép Cr-V		Xử Lý Bề Mặt		Đánh Bóng Sáng	
Mã hàng	Size Khóa (mm)	L (mm)	B (mm)	D (mm)	S1 (mm)	S2 (mm)	
AAAB3333	33	409	69.8	48.7	12.6	19.5	
AAAB3434	34						
AAAB3535	35						

CỜ LÊ VÒNG MIỆNG TOPTUL

Thương hiệu	TOPTUL			Xuất xứ	Đài Loan	
HÌNH ẢNH				HÌNH VẼ		
						
Vật Liệu	Thép Cr-V			Xử Lý Bề Mặt	Đánh Bóng Sáng	
Mã hàng	Size Khóa (mm)	L (mm)	B (mm)	D (mm)	S1 (mm)	S2 (mm)
AAAG0707	7	86	17.2	12	3.7	5.5
AAAG0808	8	86	17.2	12.7	4	5.5
AAAG0909	9	95	22.6	15	4.2	6.7
AAAG1010	10	95	22.6	15.1	4.6	6.7
AAAG1111	11	99	24.6	16.7	5	7.5
AAAG1313	13	107	28.7	19.7	5.8	8.2
AAAG1414	14	113	31.3	20.7	6	9
AAAG1515	15	117	33.2	22.2	6.4	9.6
AAAG1616	16	121	35	23.7	6.6	10.2
AAAG1717	17	127	37.5	24.9	6.8	10.9
AAAG1818	18	131	39.5	26.5	7.6	11.4
AAAG1919	19	137	41.3	27.9	7.8	12

CỜ LÊ VÒNG MIỆNG TOPTUL AAEA

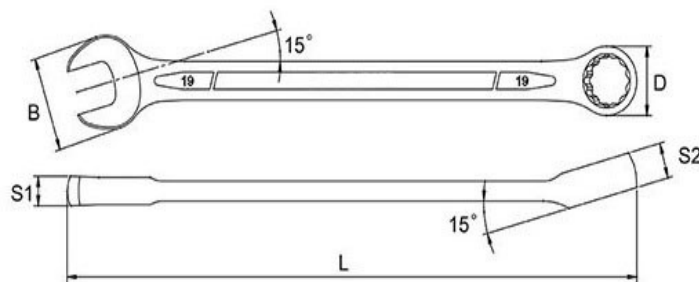
Thương hiệu	TOPTUL	Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH	HÌNH VẼ		



Vật Liệu	Thép Cr-V			Xử Lý Bề Mặt	Đánh Bóng Sáng	
Mã hàng	Size Khóa (mm)	L (mm)	B (mm)	D (mm)	S1 (mm)	S2 (mm)
AAEA0909	9	157	19.6	14	4.2	6.7
AAEA1111	11	182	23.5	16.7	5.2	7.7
AAEA2020	20	278	40.2	29.2	8	12.4
AAEA2121	21	301	44.2	30.7	8.6	13
AAEA2323	23	335	49.5	34.2	9.6	13.7
AAEA2525	25	369	54.3	36.2	10	15.2
AAEA2626	26					
AAEA2727	27	385	56.8	40.6	10.8	16.7
AAEA2828	28					
AAEA2929	29	402	59	43.2	11.3	17.7
AAEA3030	30					
AAEA3232	32	429	65.4	44.7	11.6	19.7

CỜ LÊ VÒNG MIỆNG STANLEY

Thương hiệu	STANLEY	Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH	HÌNH VẼ		

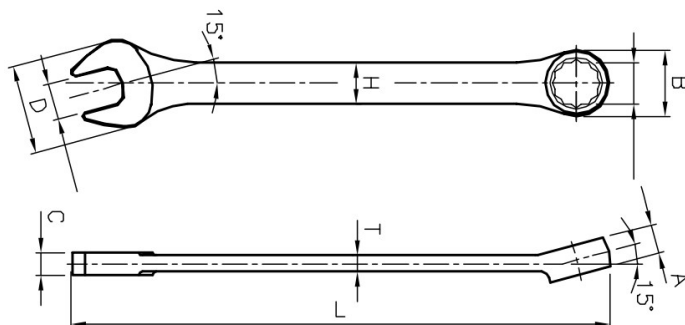


Đơn Vị : mm

Vật Liệu	Thép Cr-V	Xử Lý Bề Mặt		Mạ Niken
Mã hàng	Kích Thước Khóa	Chiều Dài (L)	Kích Thước (B)	Kích Thước (S1)
STMT80215-8B	6	100.5	15.6	5.5
STMT80216-8B	7	109	17.2	5.8
STMT80217-8B	8	115.5	19	6.2
STMT80218-8B	9	126.5	21	6.6
STMT80219-8B	10	135.5	22.6	7.05
STMT80220-8B	11	148.5	24.75	7.45
STMT80222-8B	12	157.5	26.45	7.85
STMT80223-8B	13	167	28.3	8.3
STMT80224-8B	14	181	31.15	8.8
STMT80225-8B	15	191	32.8	9.2
STMT80226-8B	16	201	34.35	9.65
STMT80229-8B	17	216.5	37.15	10.05
STMT80231-8B	18	227	39	10.65
STMT80233-8B	19	237.5	40.75	11.2
STMT80234-8B	20	249	42.65	11.6
STMT80235-8B	21	260.5	44.2	12
STMT80236-8B	22	278	46.45	12.35
STMT80238-8B	23	289	47.9	12.7
STMT80239-8B	24	300.5	49.7	13.05
STMT80240-8B	25	316.5	52	13.6
STMT80241-8B	26	321.5	52.8	13.75
STMT80242-8B	27	342.5	55.85	14.4
STMT80243-8B	28	357.5	57.8	15
STMT80244-8B	30	367.5	59.9	15.2
STMT80245-8B	32	394.5	65.75	16.5

CỜ LÊ VÒNG MIỆNG STANLEY

Thương hiệu	STANLEY	Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH	HÌNH VẼ		

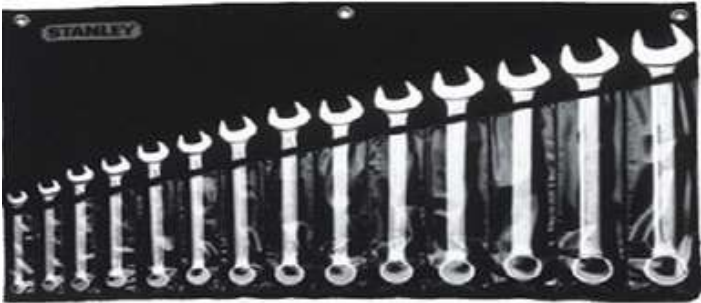


Vật Liệu	Thép Cr-V				Xử Lý Bề Mặt		Mạ Niken	
Mã hàng	Kích Thước Khóa (mm)	L (mm)	A (mm)	B (mm)	C (mm)	D (mm)	H(mm)	T(mm)
87-066	6	100	4.7	10.1	4	15.5	7.1	2.7
87-058	8	120	5.5	12.8	4.5	19.2	8.4	3
87-069	9	130	5.9	14.2	4.5	21.2	9	3.3
87-070	10	140	6.5	15.6	5	23.2	9.6	3.5
87-071	11	150	6.9	16.9	5.4	25.3	10.4	3.7
87-072	12	160	7.3	18.3	5.5	27.2	11.3	3.9
87-073	13	170	7.8	19.7	5.9	29.4	12.1	4.1
87-074	14	180	8.3	21.2	6.2	31.5	12.9	4.4
87-075	15	190	8.6	22.5	6.4	33.2	13.5	4.6
87-076	16	200	8.9	24	6.7	34.7	13.9	4.8
87-077	17	210	9.3	25.3	6.9	36.5	14.6	5
87-078	18	220	9.9	26.8	7.2	38.7	15.3	5.2
87-079	19	230	10.5	28.1	7.4	40.7	15.9	5.4
87-080	20	240	10.9	29.7	7.7	43.1	16.8	5.6
87-081	21	250	11.3	31.3	8	44.8	17.3	5.7
87-082	22	260	11.5	32.6	8.2	46.9	18	5.8
87-083	23	270	11.8	34.2	8.4	48.3	18.7	5.9
87-084	24	280	12.1	35.5	8.7	50.4	19.5	6
87-085	25	290	12.5	36.9	8.9	52	20.1	6.2
87-086	26	300	12.8	38.2	9.2	53.6	21	6.4
87-087	27	310	13.1	39.6	9.4	55.7	21.8	6.6
87-090	30	340	13.7	43.7	10.1	61.8	23.9	7.1
87-092	32	360	14.3	46.4	10.4	65.8	24.8	7.3
87-263	33	408	14.5	11	48	62	23	11
87-264	34							
87-265	35	430	17	15	56.5	70	26	12
87-266	36							
87-268	38							

BỘ CỜ LÊ VÒNG MIỆNG STANLEY

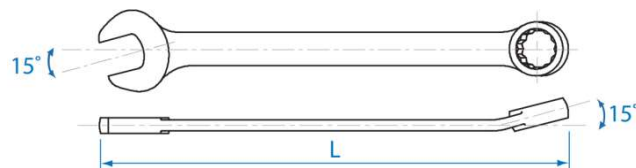
Thương hiệu	STANLEY	Xuất xứ	Đài Loan	
HÌNH ẢNH				
				
Vật Liệu	Thép Cr-V		Xử Lý Bề Mặt	Mạ Niken
Mã hàng	Kích Thước (mm)	Chiều Dài L (mm)	Chiều Rộng W (mm)	Chiều Cao (mm)
STMT73647	8; 9; 10; 11; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 18; 19; 22; 24	388	87	-
STMT74897	6; 7; 8; 9; 10; 11; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 18; 19; 20; 21; 22; 23; 24	405	290	60

BỘ CỜ LÊ VÒNG MIỆNG STANLEY

Thương hiệu	STANLEY	Xuất xứ	Đài Loan	
HÌNH ẢNH				
				
Vật Liệu	Thép Cr-V		Xử Lý Bề Mặt	Mạ Niken
Mã hàng	Kích Thước (mm)			Khối Lượng (g)
87-036	8; 9; 10; 11; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 19; 21; 22; 24			3600
87-038	10; 11; 12; 13; 14; 17; 19; 21; 22; 23; 24; 26; 30; 32			2300

CỜ LÊ VÒNG MIỆNG KINGTONY

Thương hiệu	KINGTONY	Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH	HÌNH VẼ		



Vật Liệu	Thép Cr-V	Xử Lý Bề Mặt	Mạ Crom
Mã hàng	Kích Thước (mm)	Chiều Dài L(mm)	
DL 1060-06	6	105	
DL 1060-07	7	115	
DL 1060-08	8	125	
DL 1060-09	9	135	
DL 1060-10	10	145	
DL 1060-11	11	155	
DL 1060-12	12	165	
DL 1060-13	13	175	
DL 1060-14	14	185	
DL 1060-15	15	195	
DL 1060-16	16	205	
DL 1060-17	17	215	
DL 1060-18	18	225	
DL 1060-19	19	235	
DL 1060-20	20	245	
DL 1060-21	21	255	
DL 1060-22	22	265	
DL 1060-23	23	275	
DL 1060-24	24	285	
DL 1060-26	26	305	
DL 1060-27	27	315	
DL 1060-28	28	325	
DL 1060-29	29	335	
DL 1060-30	30	345	
DL 1060-32	32	365	
DL 1071-34	34	410	
DL 1071-36	36	425	
DL 1071-38	38	455	
DL 1071-41	41	495	
DL 1071-42	42	495	
DL 1071-46	46	495	
DL 1071-50	50	563	
DL 1071-55	55	610	
DL 1071-60	60	645	
DL 1071-65	65	665	
DL 1071-70	70	708	
DL 1071-75	75	708	

CỜ LÊ VÒNG MIỆNG TỰ ĐỘNG TOPTUL

Thương hiệu	TOPTUL	Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH	HÌNH VẼ		



Vật Liệu	Thép Cr-V	Xử Lý Bề Mặt	Mạ Crom
Mã hàng	Kích Thước (mm)	Chiều Dài L (mm)	
AOAF0808	8	140	
AOAF0909	9	149	
AOAF1010	10	158	
AOAF1111	11	165	
AOAF1212	12	171	
AOAF1313	13	178	
AOAF1414	14	190	
AOAF1515	15	200	
AOAF1616	16	208	
AOAF1717	17	225	
AOAF1818	18	236	
AOAF1919	19	247	
AOAF2222	22	289	
AOAF2424	24	322	

Ê TÔ CƠ KHÍ TOPTUL

Thương hiệu	TOPTUL	Vật Liệu	Thép Đúc
			Đơn Vị: inch

Ê TÔ ASAKI

Thương hiệu		ASAKI		
Ê-TÔ KẸP ỐNG  Đơn Vị: inch				
	Mã Hàng	Độ Rộng Hàm Kẹp		
	AK-6428	2"		
	AK-6429	3"		
AK-6430	4"			
Ê-TÔ KẸP BÀN MÂM XOAY MINI  Đơn Vị: mm				
	Mã Hàng	Chiều Cao Bàn Kẹp	Mở Miệng (MAX)	Tổng Chiều Cao
	AK-6273	90	60	170
	AK-6274	100		
AK-6275	90			
AK-6276	100			
Ê-TÔ BÀN NGUỘI  Đơn Vị: inch				
	Mã Hàng	Độ Rộng Hàm Kẹp	Tổng Chiều Cao	
	AK-0666	75	130	
	AK-0667	100	140	
AK-0668	125	150		
AK-0669	150	170		
AK-0670	200	190		
AK-0671	250	260		
Ê-TÔ BÀN NGUỘI CAO CẤP  Đơn Vị: mm				
	Mã Hàng	Độ Rộng Hàm Kẹp	Tổng Chiều Cao	
	AK-6928	100	170	
	AK-6929	125	180	
AK-6930	150	190		
AK-6931	200	230		

Ê TÔ ASAKI

Thương hiệu

ASAKI

Ê-TÔ BÀN
KHOAN



Đơn Vị: mm

Mã Hàng	Độ Rộng Hàm Kẹp
AK-6285	75
AK-6286	100
AK-6287	125
AK-6288	150

Ê-TÔ BÀN
PHAY CHỮ
THẬP



Đơn Vị: mm

Mã Hàng	Mở Miệng MAX	Tổng Chiều Cao
AK-6289	70	125
AK-6290	85	125
AK-6291	130	140
AK-6292	155	150

Ê-TÔ CHỮ THẬP
MÂM XOAY



Đơn Vị: mm

Mã Hàng	Độ Rộng Hàm Kẹp
AK-6293	75
AK-6294	100
AK-6295	125
AK-6296	150

Ê-TÔ BÀN
PHAY CHỮ
THẬP CAO CẤP



Đơn Vị: mm

Mã Hàng	Độ Rộng Hàm Kẹp	Tổng Chiều Cao	Mở Miệng (MAX)
AK-7030	75	125	70
AK-7031	100	125	85
AK-7032	125	140	130
AK-7033	150	150	155
AK-7034	200	180	210

Ê-TÔ BÀN PHAY
MÂM XOAY



Đơn Vị: mm

Mã Hàng	Độ Rộng Hàm Kẹp
AK-6279	75
AK-6280	100
AK-6281	125
AK-6282	150
AK-6283	200

Ê-TÔ BÀN
PHAY



Đơn Vị: mm

Mã Hàng	Độ Rộng Hàm Kẹp
AK-7041	100

Ê TÔ STANLEY

Thương hiệu	STANLEY	Xuất Xứ	Đài Loan
-------------	---------	---------	----------



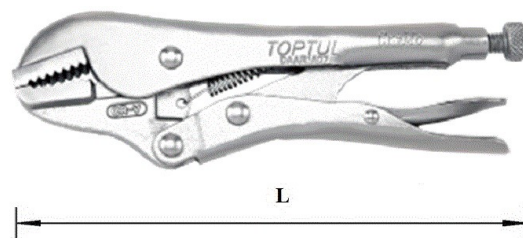
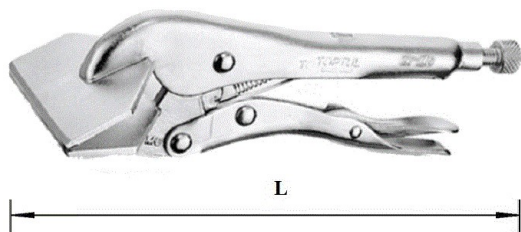
Ê-TÔ MÂM XOAY

Đơn Vị: mm

Mã Hàng	Độ Rộng Hàm Kẹp	Chiều Dài
81-601	100	102
81-602	125	127
81-603	150	152
81-604	200	203

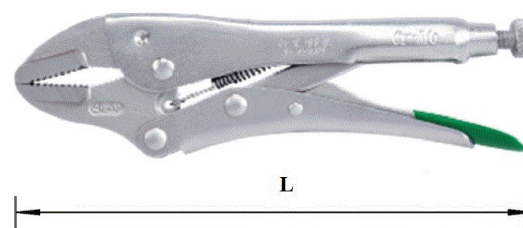
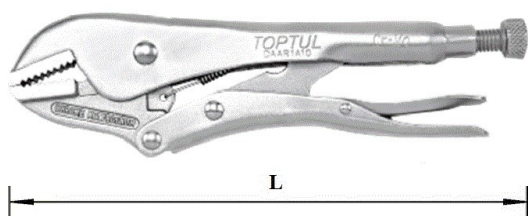
KÌM BẮM CHẾT TOPTUL

Thương hiệu	TOPTUL	Xuất Xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH			



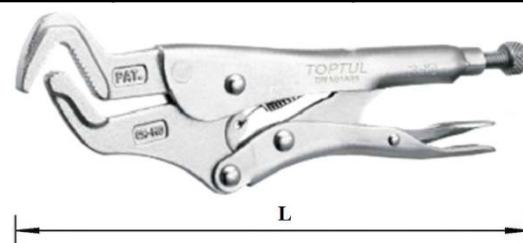
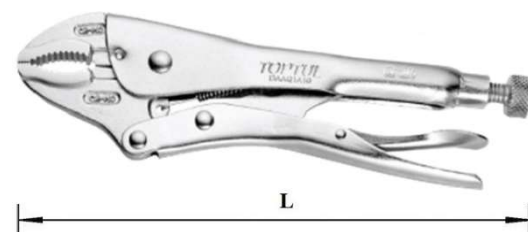
Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu
DAAR1A08	200	Thép CR-MO, mạ Niken

Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu
DAAR1A07	200	Thép CR-MO, mạ Niken



Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu
DAAR1A10	250	Thép CR-MO, mạ Niken

Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu
DAAR2B07	175	Thép CR-MO, mạ Niken
DAAR2B10	250	



Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu
DAAQ1A10	250	Hàm Thép CR-MO, Tay Cầm Thép CR-V, mạ Niken
DAAQ1A05	125	
DAAQ1A07	175	

Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu
DMAD1A09		



Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu
DAAS1A06	150	Hàm CR-V, Tay Cầm Thép CR-MO, mạ Niken
DAAS1A09	230	

Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu
DAAY1A10	250	Hàm CR-V, Tay Cầm Thép CR-MO, mạ Niken

KÌM BẮM CHẾT ASAKI

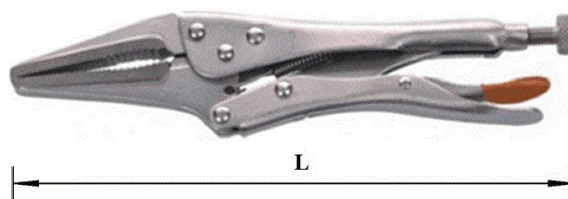
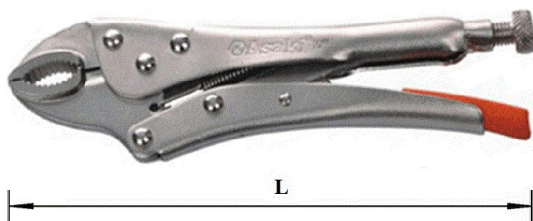
Thương hiệu

ASAKI

Xuất Xứ

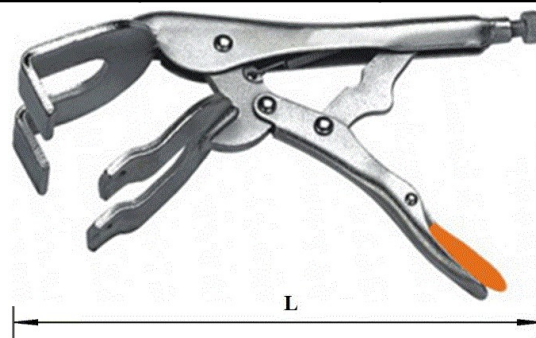
Nhật Bản

HÌNH ẢNH



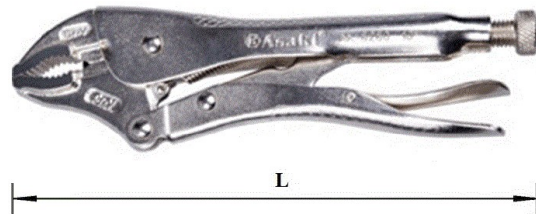
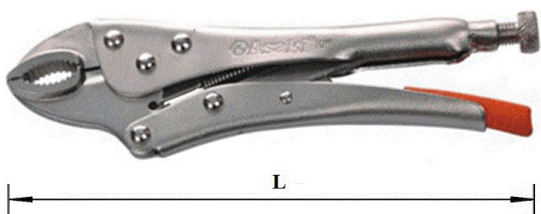
Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu
AK-8254	175	Thép Carbon, Mạ Crom, Chống Gỉ
AK-8255	250	
AK-8258	250	

Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu
AK-8263	175	Thép Carbon, Mạ Crom, Chống gỉ
AK-8264	225	



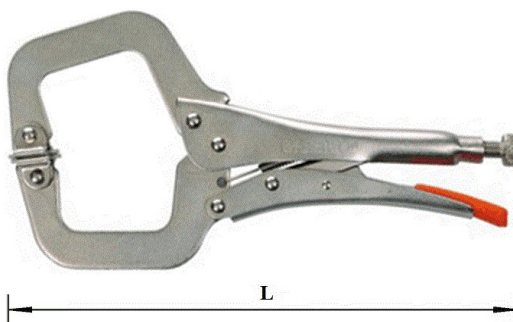
Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu
AK-8273	250	Thép Carbon, Mạ Crom, Chống gỉ

Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu
AK-8271	250	Thép Carbon, Mạ Crom, Chống gỉ



Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu
AK-8260	175	Thép Carbon, Mạ Crom, Chống gỉ

Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu
AK-8280	250	Thép CR-MO

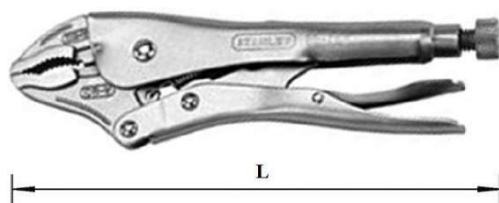
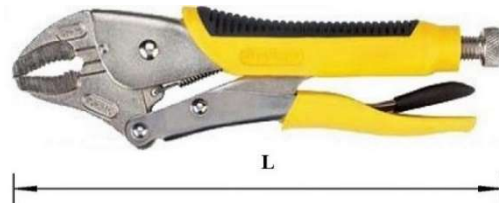
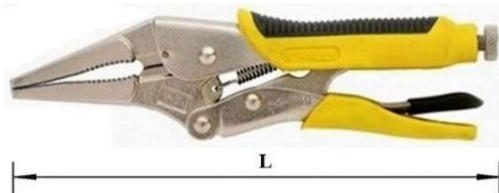


Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu
AK-8266	275	Thép Carbon

KÌM BẮM CHẾT KINGTORY

Thương hiệu	KINGTORY	Xuất Xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH			
			
Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu	
DL6011-10R	255	Thép CR-V	
DL6011-07R	185		
			
Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu	
DL6511-10A	253	Thép Hợp Kim	
Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu	
DL6031-10N	255	Thép CR-V	
			
Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu	
DL6655-09	225	Thép CR-V	

KÌM BẮM CHẾT STANLEY

Thương hiệu	STANLEY	Xuất Xứ	Đài Loan
 L			
 L			
 L			

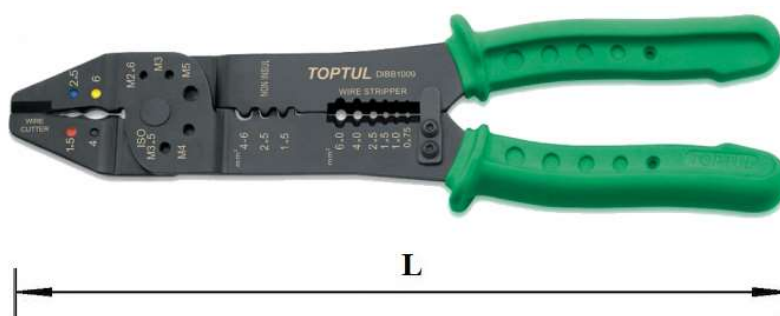
Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu
84-367	127	Thép Hợp Kim Mạ Bóng Chống Gỉ
84-368	175	
84-370		

Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu
84-369	254	Thép Hợp Kim Mạ Bóng Chống Gỉ,Tay Cầm Nệm
84-371		

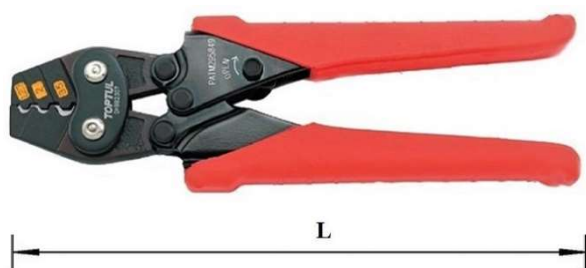
Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu
84-389	230	Thép Hợp Kim Mạ Bóng Chống Gỉ,Tay Cầm Nệm

KÌM BẮM COS TOPTUL

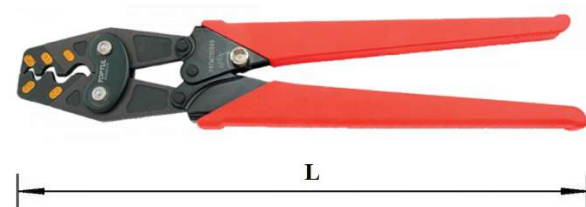
Thương hiệu	TOPTUL	Xuất Xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH			



Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Khả Năng Mở Rộng (mm ²)	Cắt Ốc	Bấm Cos (mm ²)
DIBB1009	228	1.5 , 2.5 , 4 , 6	M2.6 , M3 , M3.5 , M4 , M5	0.75 , 1 , 1.5 , 2.5 , 4 , 6
DIBB2009				



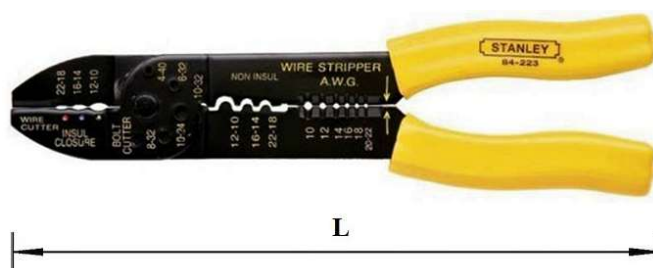
Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Bấm Cos (mm ²)	Vật Liệu
DKBB2315	170	1.25 - 2 - 3.5	Thép Cr-MO , Cán Nhựa Mềm



Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Bấm Cos (mm ²)	Vật Liệu
DKBB2315	380	5.5 - 8 - 14 - 22 - 38	Thép Cr-MO , Cán Nhựa Mềm

KÌM BẮM COS STANLEY

Thương hiệu	STANLEY	Xuất Xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH			



Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Ứng Dụng
84-223	230	Cắt Dây , Tuốt Dây , Bấm Đầu Cos Các Dạng

KÌM BẮM COS ASAKI

Thương hiệu

ASAKI

Xuất Xứ

Nhật Bản

HÌNH ẢNH



L



L



L



L



L

Mã Hàng

Kích Thước L (mm)

Bấm Cos (mm²)

AK-9120

225

0.5 , 1 , 1.5 , 2.5 , 4 , 6

AK-9121

Mã Hàng

Kích Thước L (mm)

Bấm Cos (mm²)

AK-9122

225

0.5 , 1 , 1.5 , 2.5 , 4 , 6

Mã Hàng

Kích Thước L (mm)

Bấm Cos (mm²)

AK-9123

225

0.5 , 1 , 1.5 , 2.5 , 4 , 6

Mã Hàng

Kích Thước L (mm)

Bấm Cos (mm²)

AK-9124

225

1.7 , 3 , 3.3 , 4.1 , 5.5 , 6.5

Mã Hàng

Kích Thước L (mm)

Bấm Cos (mm²)

AK-0618

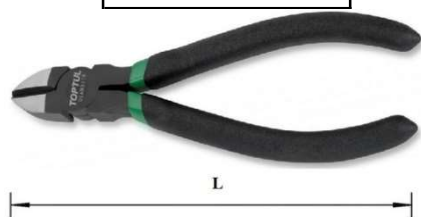
390

16, 25, 35, 50, 70, 95, 120,
150, 185, 240, 300

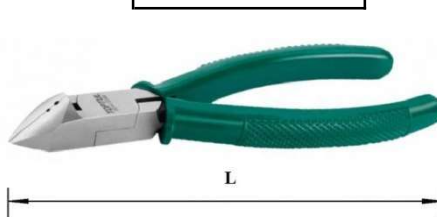
KÌM CẮT TOPTUL

Thương hiệu	TOPTUL	Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH			

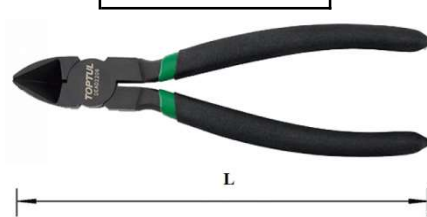
DEAB2206



DEAA1206B



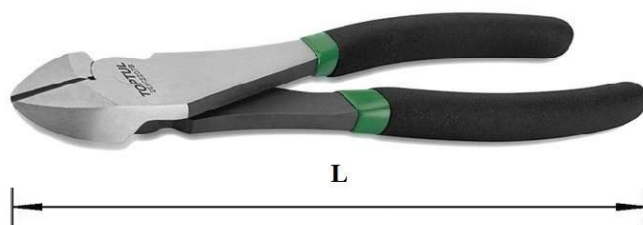
DEAD2206



DEBE204E



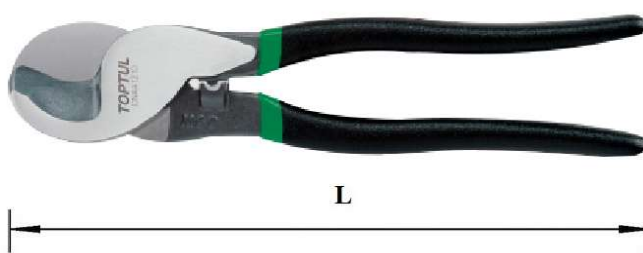
DEAC2207B và DEAC2208B



DNAA1206 và DNAA1208

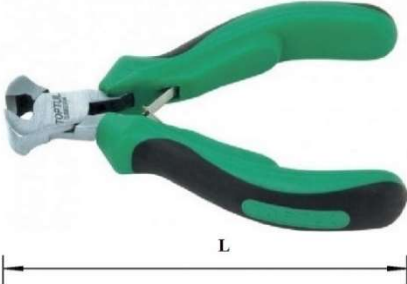
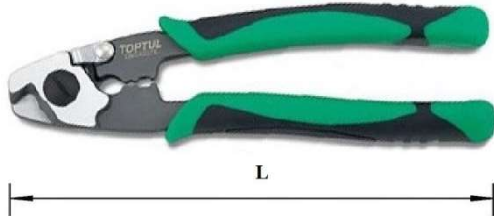


DNAA1210

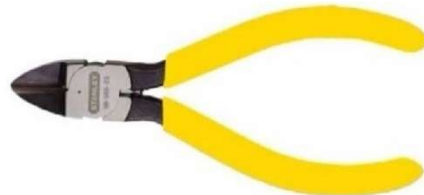


Mã hàng	Size (mm)	Ứng Dụng	Vật Liệu
DEAB2206	150	Cắt Dây Thép 2.8 mm, Sợi Cáp 2 mm, Thép Lò Xo 1.6 mm	Thép Cr-V
DEAC2207B	175	Cắt Dây Thép 3 mm, Sợi Cáp 2 mm, Thép Lò Xo 1.8 mm	
DEAC2208B	200	Cắt Dây Thép 3.5 mm, Sợi Cáp 2.2 mm, Thép Lò Xo 2 mm	
DEAD2206	150	Cắt Dây Thép 1.6 mm, Sợi Cáp 1 mm	
DNAA1206	150	Cắt Cáp 10 mm	
DNAA1208	200	Cắt Cáp 13 mm	
DNAA1210	254	Cắt Cáp 17 mm	
DEAA1206B	150	Cắt Dây Đồng, Nhôm 3mm, Dây Thép 2mm, Lỗ Tuốt Dây 1.2 & 1.6mm	Thép Carbon S50C
DEBE204E	114	Cắt Dây Đồng, Nhôm 1.2 mm	Inox

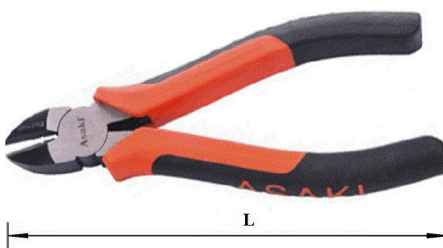
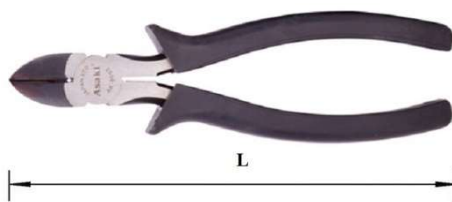
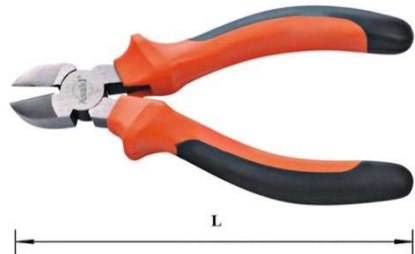
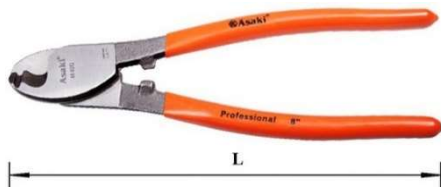
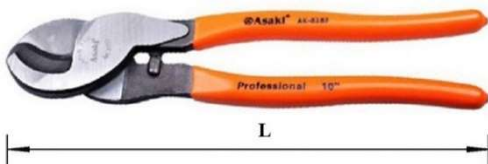
KÌM CẮT TOPTUL

Thương hiệu	TOPTUL	Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH			
DEBB2206B	DEBC2207 - DEBC2207B DEBC2208	DEBF2207	
			
DECD2205	DFBK2205	DGBC2106	
			
DJBA2206 - DJBA2208	DJCB2205	DNCA227E	
			
Mã hàng	Size (mm)	Ứng Dụng	Vật Liệu
DEBB2206B	150	Cắt Dây Thép 3.2 mm, Sợi Cáp 2 mm	Thép Hợp Kim Crom-Molipden
DEBC2207	175	Cắt Dây Thép 3.8 mm, Sợi Cáp 2.7 mm, Thép Lò Xo 2.2 mm	
DEBC2207B	175	Cắt Dây Thép 3.6 mm, Sợi Cáp 2.5 mm, Thép Lò Xo 2 mm	
DEBC2208	200	Cắt Dây Thép 4.2 mm, Sợi Cáp 3 mm, Thép Lò Xo 2.5 mm	
DEBF2207	175	Cắt Sợi Cáp 3 mm, Thép Lò Xo 2.5 mm	
DECD2205	127	Cắt Dây Đồng Nhôm 1.6 mm	
DFBK2205	127	Cắt Dây Đồng Nhôm 1 mm	
DGBC2106	150	Cắt Dây Đồng Nhôm 4 mm, Dây Thép 2.8 mm, Sợi Cáp 2 mm	
DJBA2206	150	Cắt Dây Thép 3.4 mm, Sợi Cáp 2 mm, Thép Lò Xo 1.6 mm	
DJBA2208	200	Cắt Dây Thép 3.8 mm, Sợi Cáp 3 mm, Thép Lò Xo 2.5 mm	
DJCB2205	127	Cắt Dây Đồng Nhôm 1.6 mm	
DNCA227E	190	Cắt Sợi Cáp 1.5 mm , Dây Cáp 4 mm	

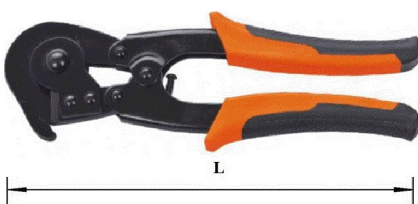
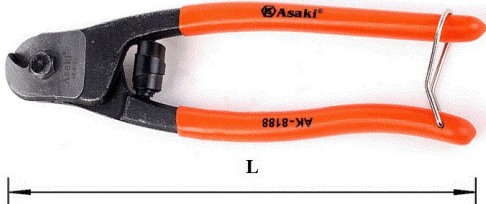
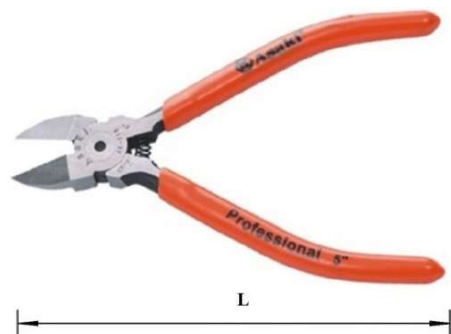
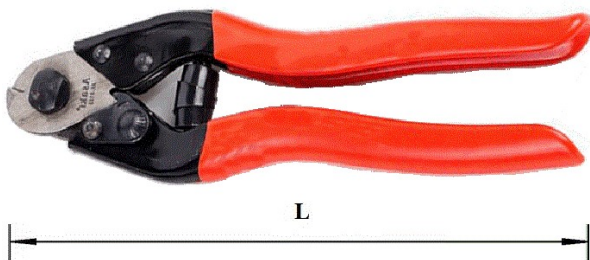
Kìm cắt STANLEY

Thương hiệu	STANLEY	Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH			
84-003 - 84-004	84-009	84-027	
			
L	L	L	
84-028	84-607	91-388	
			
L	L	L	
84-036	84-105 và 84-124	84-258 và STHT84258-8	
			
L	L	L	
Mã Hãng	Kích Thước (L)	Vật Liệu	
84-003	180	Thép Cr-V	
84-004	195		
84-009	160		
84-027	150		
84-028	175		
84-607	205		
91-388	152		
84-036	100		
84-105	150		
84-124	102		
84-258	254		
STHT84258-8	235		

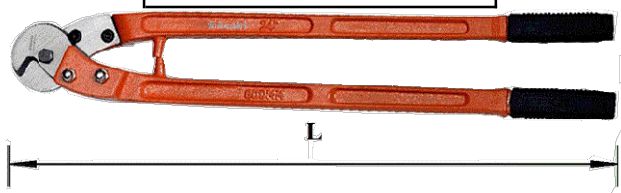
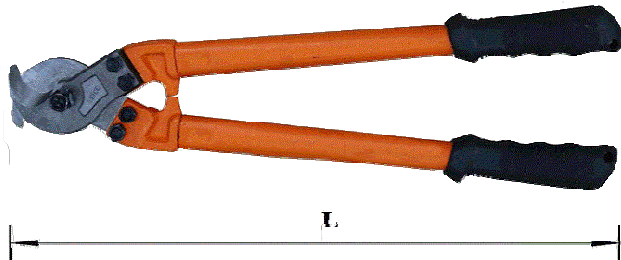
Kìm cắt ASAHI

Thương hiệu	ASAHI	Xuất xứ	Nhật Bản
HÌNH ẢNH			
AK-8039	AK-8041	AK-8051 và AK-8053	
			
AK-8147 , AK-8148 và AK-8156			
AK-8108 và AK-8110	AK-8180 , AK-8181 và AK-8182		
			
AK-8183	AK-8305 , AK-8307		
			
Mã Hãng	Kích Thước (L)	Ứng Dụng	Vật Liệu
AK-8039	150	—	Thép Carbon
AK-8041	200		
AK-8051	150		
AK-8053	200		
AK-8108	150		
AK-8110	200		
AK-8147	125		
AK-8148	150		
AK-8156	125		
AK-8180	150		
AK-8181	200	Cắt Cáp Đồng, Nhôm 22 - 60mm2 trở xuống	
AK-8182	250		
AK-8183	250		
AK-8305	200	—	
AK-8307	225		

Kìm cắt ASAHI

Thương hiệu	ASAHI	Xuất xứ	Nhật Bản
HÌNH ẢNH			
AK-8006 	AK-8187 	AK-8188 	
AK-8139 , AK-8140 	AK-8141 , AK-8142 	AK-8145 , AK-8146 	
			
Mã Hãng	Kích Thước L (mm)	Ứng Dụng	Vật Liệu
AK-8006	150	Cắt dây đồng 3.0mm, dây thép 2.0mm	Thép Cr-V
AK-8139	125	—	
AK-8140	125		
AK-8141	125		
AK-8142	125		
AK-8145	125		
AK-8146	150		
AK-8187	250	Cắt dây thép 3mm trở xuống	Thép hợp kim S-2 cao cấp
AK-8188	200	Cắt dây thép 0.5mm trở xuống	
AK-8189	200	—	

KÌM CẮT ASAKI

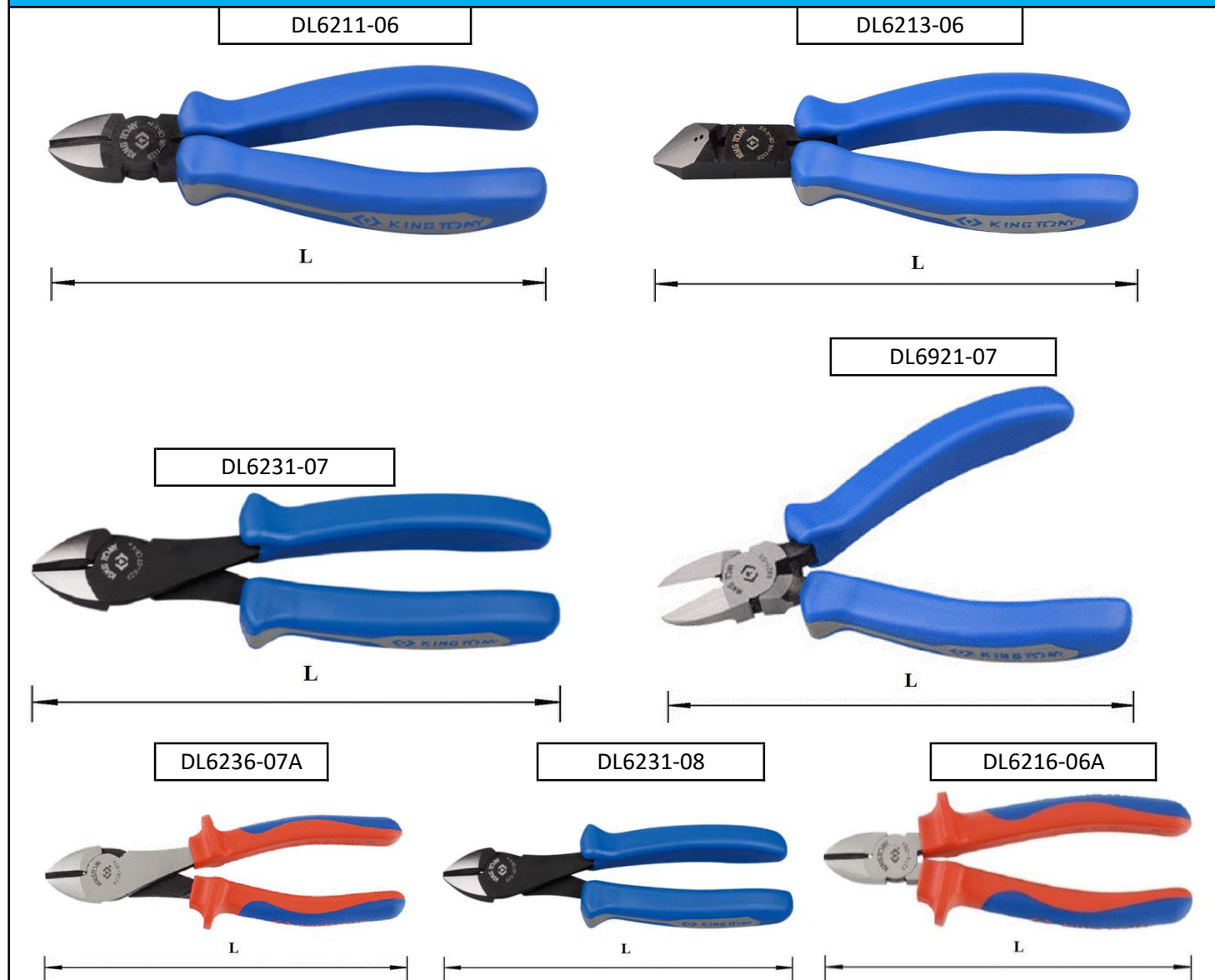
Thương hiệu	ASAKI	Xuất xứ	Nhật Bản
HÌNH ẢNH			
AK-8192 và AK-8193  AK-8210 AK-8211 AK-8212 AK-8213 AK-8214 AK-8215 			
Mã Hãng	Kích Thước (L)	Ứng Dụng	Vật Liệu
AK-8192	600	Cắt thép 12mm trở xuống	Thép Cr-V
AK-8193	900	Cắt thép 14mm trở xuống	
AK-8210	350	Cắt cáp đồng, nhôm, quang 100mm ² trở xuống	
AK-8211	450	Cắt cáp đồng, nhôm, quang 150mm ² trở xuống	
AK-8212	600	Cắt cáp đồng, nhôm, quang 250mm ² trở xuống	
AK-8213	700	Cắt cáp đồng, nhôm, quang 350mm ² trở xuống	
AK-8214	800	Cắt cáp đồng, nhôm, quang 400mm ² trở xuống	
AK-8215	900	Cắt cáp đồng, nhôm, quang 500mm ² trở xuống	

KÌM CẮT KEIBA

Thương hiệu	KEIBA	Xuất xứ	Nhật Bản
HÌNH ẢNH			
HB-D04	KM-017	MN-A04 , MN-A05	
			
L	L	L	
N-216	N-206S , N-205S	N-207	
			
L	L	L	
N-217	PL-725 , PL-726 , PL-726A , PL-727		
			
L	L		
Mã Hãng	Kích Thước (L)	Ứng Dụng	Vật Liệu
HB-D04	120	-	Thép Cr-V
KM-017	125	Cắt Dây Thép 0.2~0.9 mm , Dây Đồng 0.2~1.2 mm	Inox
MN-A04	100	Cắt Dây Thép 1.4 mm , Dây Đồng0.2~1.6 mm	Thép Cr-V
MN-A05	125	Cắt Dây Thép 1.6 mm , Dây Đồng 0.2~2.0 mm	
N-216	150	Cắt Dây Thép 0.2~1.2 mm , Dây Đồng 0.2~2.3 mm	
N-206 S	150	Cắt Dây Cáp 1.8 mm , Dây Đồng Nhôm 2.3 mm	
N-205S	125	Cắt Dây Cáp 1.6 mm , Dây Đồng Nhôm 2.0 mm	
N-207	175	Cắt Dây Cáp 2.0 mm , Dây Đồng Nhôm 2.3 mm	
N-217	175	Cắt Dây Cáp 2.0 mm , Dây Đồng Nhôm 2.8 mm	
PL-725	125	Cắt Dây Cáp 2.0 mm , Dây Đồng Nhôm 2.8 mm	
PL-726	150	-	
PL-726A	150		
PL-727	175		

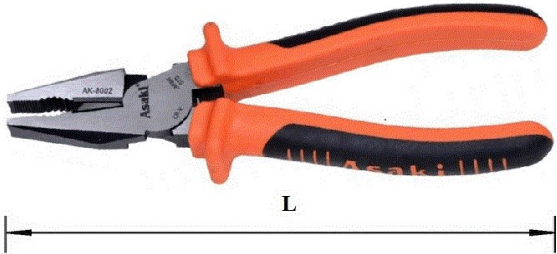
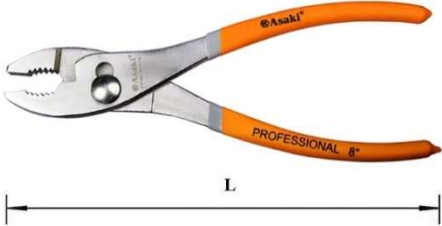
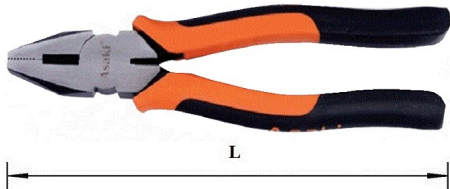
KÌM CẮT KINGTORY

Thương hiệu	KINGTORY	Xuất xứ	Nhật Bản
HÌNH ẢNH			

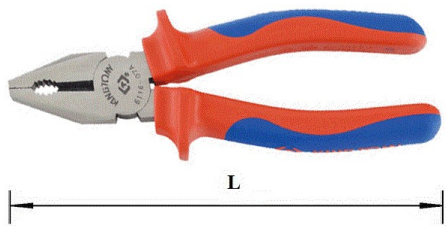
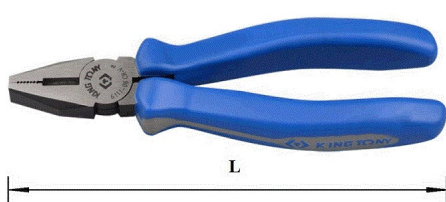
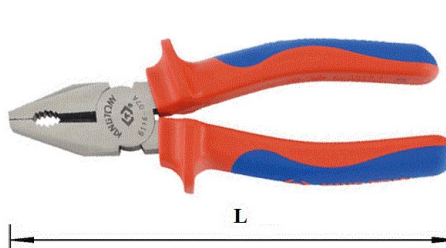


Mã Hãng	Kích Thước (L)	Ứng Dụng	Vật Liệu
DL6211-06	163	Cắt Dây Đồng Nhôm 4 mm , Dây Thép 2.8 mm,Sợi Cáp 2mm,Thép Lò Xo 1.6mm trở xuống	Thép Cr-V
DL6213-06	163	Sợi Cáp 1.25 mm trở xuống	
DL6231-07	188	Cắt Dây Đồng Nhôm 4 mm , Dây Thép 3 mm,Sợi Cáp 2.2mm,Thép Lò Xo 2mm trở xuống	
DL6921-07	178	—	
DL6236-07A	190	Cắt Dây Đồng Nhôm 5 mm , Dây Thép 3.5 mm,Sợi Cáp 2.4 mm,Thép Lò Xo 2 mm trở xuống	
DL6231-08	200	Cắt Dây Đồng Nhôm 5 mm , Dây Thép 3.5 mm,Sợi Cáp 2.2 mm,Thép Lò Xo 2 mm trở xuống	
DL6216-06A	167	Cắt Dây Đồng Nhôm 4 mm , Dây Thép 2.8 mm,Sợi Cáp 2 mm,Thép Lò Xo 1.6 mm trở xuống	

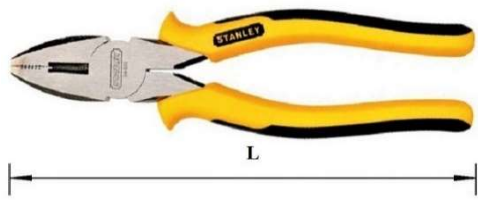
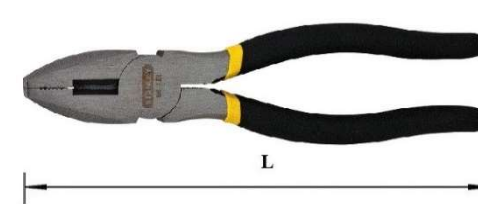
KÌM ĐẦU BẰNG ASAKI

Thương hiệu	ASAKI	Xuất Xứ	Nhật Bản
HÌNH ẢNH	THÔNG SỐ KỸ THUẬT		
 L	Mã Hàng	Size (inch)	Vật Liệu
	AK-8000	150	Thép Cr-V
	AK-8002	215	
	AK-8009	150	
	AK-8011	215	
	AK-8021	150	Thép Carbon
	AK-8023	200	
	AK-8033	150	
	AK-8034	175	
	AK-8035	200	
	AK-8090	150	
	AK-8091	175	
	AK-8092	200	
	AK-8102	150	
	AK-8103	175	
	AK-8104	200	
 L	Mã Hàng	Size L (mm)	Vật Liệu
	AK-8373	150	Thép Carbon
	AK-8374	200	
	AK-8375	250	
 L	Mã Hàng	Size L (mm)	Vật Liệu
	AK-8046	175	Thép Carbon
	AK-8047	200	
 L	Mã Hàng	Size L (mm)	Vật Liệu
	AK-8114	150	Thép Cr-V
	AK-8116	200	

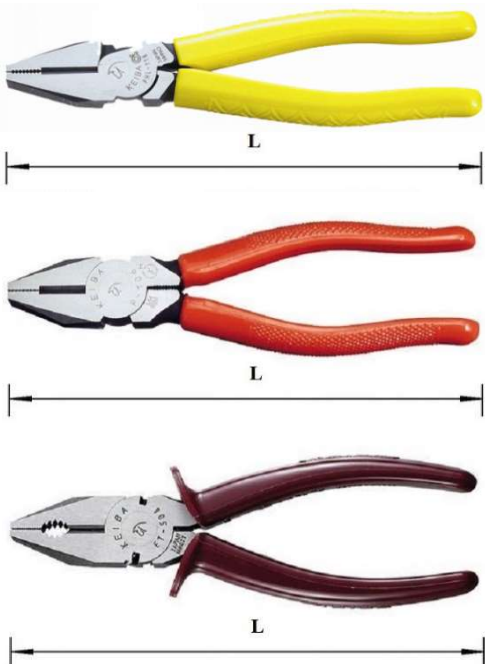
Kìm Đầu Bằng KINGTONGY

Thương hiệu	KINGTONGY	Xuất Xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH	THÔNG SỐ KỸ THUẬT		
 L	Mã Hàng	Size L (mm)	Vật Liệu
	DL 6111-06	163	Thép Cr-V
	DL 6111-07	188	
	DL 6111-08	213	
 L	Mã Hàng	Size L (mm)	Vật Liệu
	DL 6116-07A	185	Thép Cr-V
 L	Mã Hàng	Size L (mm)	Vật Liệu
	DL 6111-06	163	Thép Cr-V
	DL 6111-07	188	
	DL 6111-08	213	
 L	Mã Hàng	Size L (mm)	Vật Liệu
	DL 6116-07A	185	Thép Cr-V

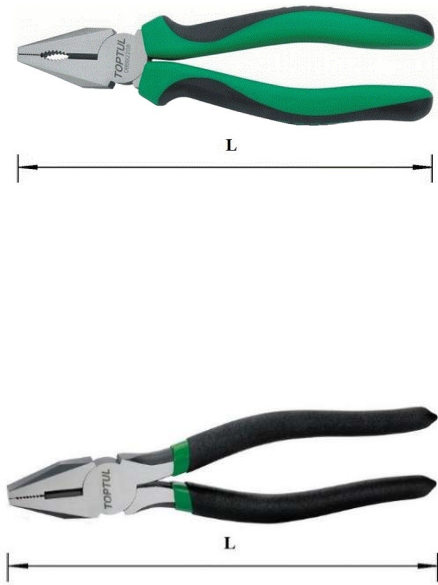
Kìm Đầu Bằng STANLEY

Thương hiệu	STANLEY	Xuất Xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH	THÔNG SỐ KỸ THUẬT		
 L	Mã Hàng	Size L (mm)	Vật Liệu
	84-623	150	Thép Cr-V
	84-029	200	
	84-609	200	
 L	Mã Hàng	Size L (mm)	Vật Liệu
	84-112	180	Thép Cr-V
	84-113	200	

KÌM ĐẦU BẰNG KEIBA

Thương hiệu	KEIBA	Xuất Xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH	THÔNG SỐ KỸ THUẬT		
	Mã Hàng	Size L (mm)	Vật Liệu
	PHL-118	200	Thép Cr-V
	Mã Hàng	Size L (mm)	Vật Liệu
	PH-106	150	Thép Cr-V
	PH-107	175	
	PH-108	200	
	Mã Hàng	Size L (mm)	Vật Liệu
	ET-506	150	Thép Cr-V
	ET-507	175	
	ET-508	200	

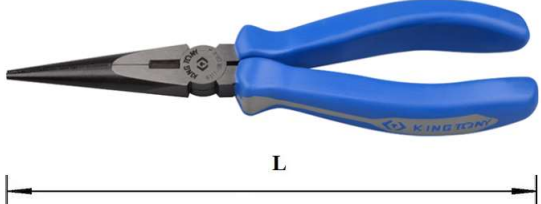
KÌM ĐẦU BẰNG TOPTUL

Thương hiệu	TOPTUL	Xuất Xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH	THÔNG SỐ KỸ THUẬT		
	Mã Hàng	Size L (inch)	Vật Liệu
	DBBB2206	6	Thép CR-MO
	DBBB2207	7	
	DBBB2208	8	
	Mã Hàng	Size L (inch)	Vật Liệu
	DBAB2206B	6	Thép Cr-V
	DBAB2207B	7	
	DBAB2208B	8	

KÌM MỎ NHỌN ASAKI - TOPTUL

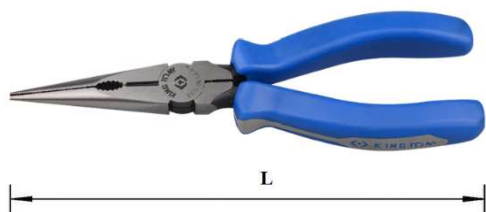
Thương hiệu		ASAKI - TOPTUL	Xuất Xứ		Nhật Bản - Đài Loan	
 L  L						
Mã Hàng	Kích Thước L(inch)	Vật Liệu	Mã Hàng	Kích Thước L(inch)	Vật Liệu	
DFAG1211	11	Thép Cr-MO	DGBB2106	6	Thép Cr-MO	
			DGBB2108	8		
 L  L						
Mã Hàng	Kích Thước L(inch)	Vật Liệu	Mã Hàng	Kích Thước L(inch)	Vật Liệu	
DFBC2206	6	Thép Cr-MO	DFAL2206B	6	Thép Cr-V	
 L  L						
Mã Hàng	Kích Thước L(inch)	Vật Liệu	Mã Hàng	Kích Thước L(inch)	Vật Liệu	
DFAB2206B	6	Thép Cr-V	DFCC2206	6	Thép Cao Cấp	
DFAB2208B	8		Thép Cr-MO			
			Thép Cao Cấp			

KÌM MỎ NHỌN KINGTORY

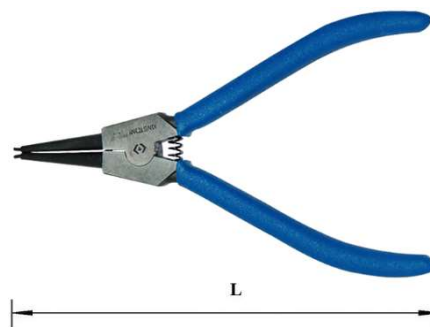
Thương hiệu	KINGTORY	Xuất Xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH		THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
		Mã Hàng	Kích Thước L(inch)
		DL 6311-06	6
		DL 6311-08	8

KÌM MỎ NHỌN KINGTORY

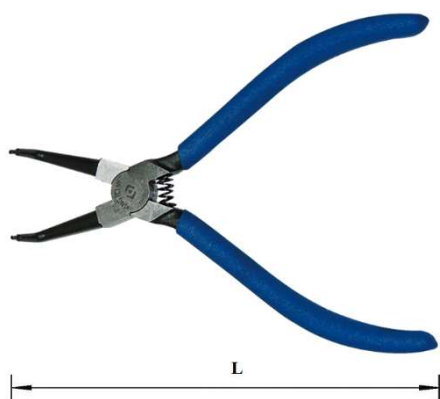
Thương hiệu	KINGTORY	Xuất Xứ	Đài Loan
-------------	----------	---------	----------



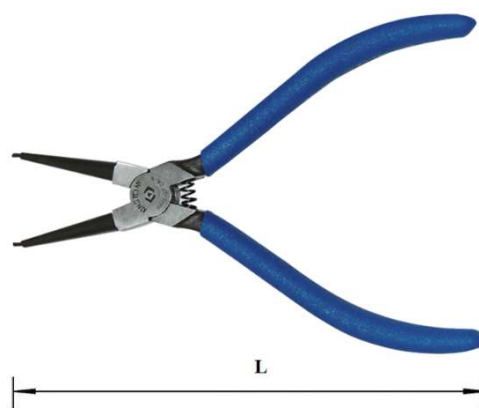
Mã Hàng	Kích Thước L(inch)
DL 6313-06	6



Mã Hàng	Kích Thước L(inch)
DL 68SB10	10
DL 68SS10	10
DL 68SB05	5
DL 68SB07	7
DL 68SS07	7
DL 67SS07	7



Mã Hàng	Kích Thước L(inch)
DL 68HB10	10
DL 68HB07	7
DL 67HB07	7



Mã Hàng	Kích Thước L(inch)
DL 68HS10	10
DL 68HS07	7
DL 67HS07	7

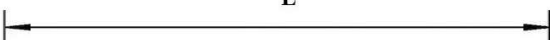
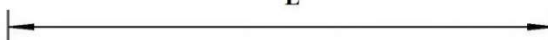


Mã Hàng	Kích Thước (mm)
DL 42114GP	263 x 163

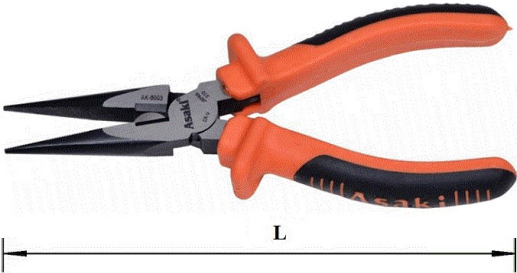


Mã Hàng	Kích Thước (mm)
DL 42116GP	375 x 280

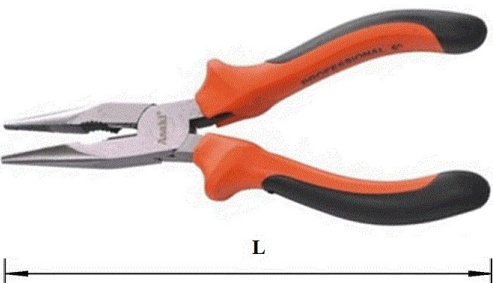
KÌM MỎ NHỌN KEIBA

Thương hiệu		KEIBA	Xuất Xứ		Nhật Bản	
HÌNH ẢNH			THÔNG SỐ KỸ THUẬT			
						
						
Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu	Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu	
HR-D04	120	Thép Cr-V	T-305S	125	Thép Cr-V	
				T-306S		150
				T-308		200
						
						
Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu	Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu	
T-316S	150	Thép Cr-V	F-606	150	Thép Cr-V	
						
						
Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu				
M-616	150	Thép Cr-V				

KÌM MỎ NHỌN ASAKI

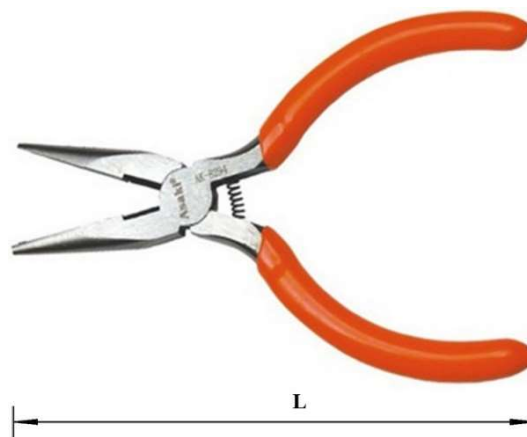
Thương hiệu	ASAKI	Xuất Xứ	Nhật Bản
HÌNH ẢNH		THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
			
Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu	
AK-8003	150	Thép Cr-V	
AK-8005	215		

KÌM MỎ NHỌN ASAKI

Thương hiệu		ASAKI		Xuất Xứ		Nhật Bản	
HÌNH ẢNH				THÔNG SỐ KỸ THUẬT			
							
Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu		Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu	
AK-8036	150			AK-8024	150		
AK-8038	200			AK-8026	200		
							
Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu		Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu	
AK-8117	150			AK-8048	150		
				AK-8050	200		
							
Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu		Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu	
AK-8105	150			AK-8093	150		
AK-8107	200			AK-8095	200		

KÌM MỎ NHỌN ASAKI

Thương hiệu	ASAKI	Xuất Xứ	Nhật Bản
HÌNH ẢNH		THÔNG SỐ KỸ THUẬT	



Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu
AK-8295	125	Thép Carbon

Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu
AK-8293	125	Thép Carbon
AK-8294		

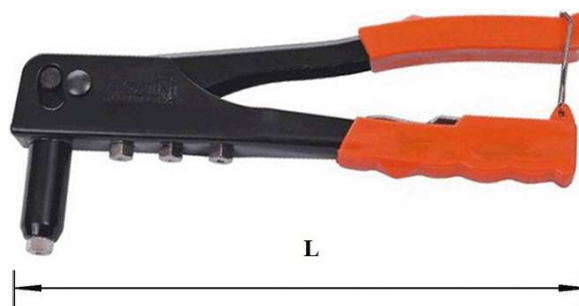


Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu
AK-8363	125	Thép Carbon

Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu
AK-8366	125	Thép Carbon

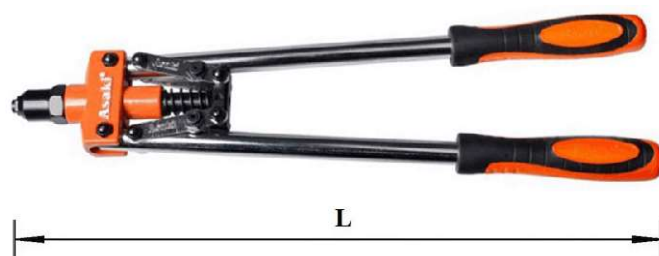
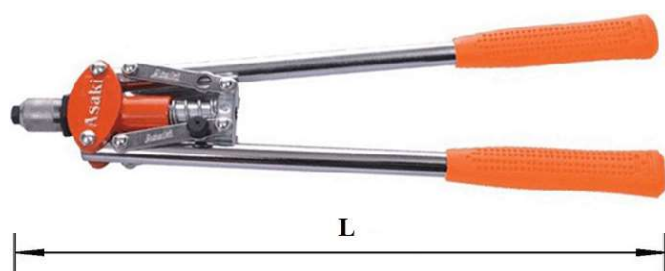
KÌM RÚT ĐINH TÁN ASAKI

Thương hiệu	ASAKI	Vật Liệu	Thân Nhôm Mũi Inox
-------------	-------	----------	--------------------



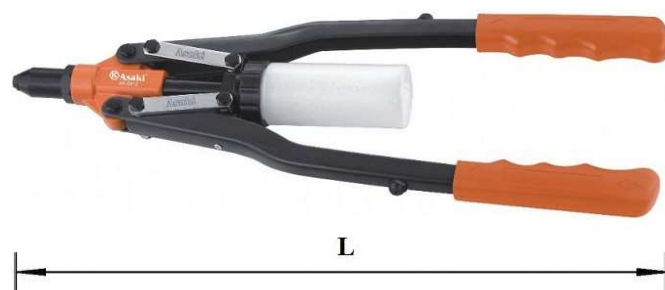
Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Kích Thước Rivet (mm)
AK-0070	265	2.4 - 3.2 - 4.0 - 4.8

Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Kích Thước Rivet (mm)
AK-0329	240	2.4 - 3.2 - 4.0 - 4.8
AK-0069	265	3.2 - 4.0 - 5.0



Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Kích Thước Rivet (mm)
AK-0071	425	3.2 - 4.0 - 5.0

Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Kích Thước Rivet (mm)
AK-0072	425	3.2 - 4.0 - 5.0



Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Kích Thước Rivet (mm)
AK-6812	425	2.4 - 3.2 - 4.0 - 4.8

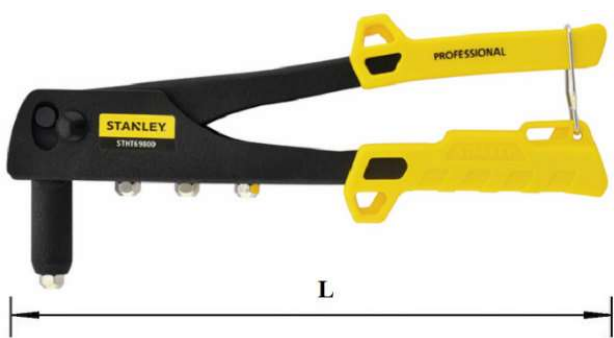
KÌM RÚT ĐINH TÁN KINGTORY

Thương hiệu	KINGTORY	Vật Liệu	Thân Nhôm Mũi Inox
-------------	----------	----------	--------------------

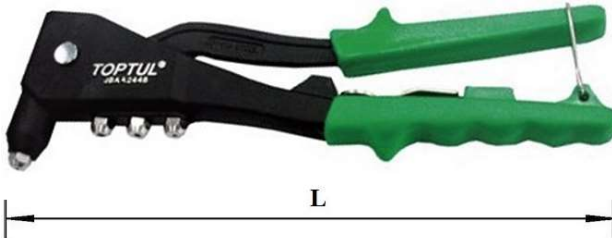


Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Kích Thước Rivet (mm)
DL 21-20-101	260	2.4 - 3.2 - 4.0 - 4.8

KÌM RÚT ĐINH TÁN STANLEY

Thương hiệu		STANLEY	Vật Liệu		Thép Hợp Kim Mạ Niken
 STANLEY STHT69646 STANLEY L  STANLEY STHT69800 PROFESSIONAL L					
Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Kích Thước Rivet (mm)	Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Kích Thước Rivet (mm)
69-646	337	3.0 - 4.0 - 5.0	69-800	100	2.0 - 3.0 - 4.0 - 5.0

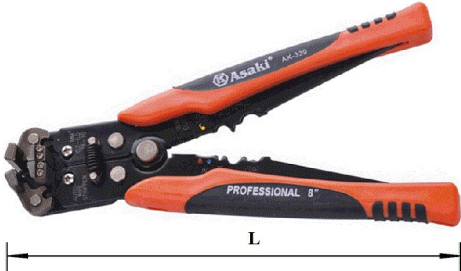
KÌM RÚT ĐINH TÁN TOPTUL

Thương hiệu		TOPTUL		Xuất Xứ		Đài Loan	
							
Mã Hàng		Kích Thước Rivet (mm)		Vật liệu			
JBAA2448		2.4 - 3.2 - 4.0 - 4.8		Mũi Thép CR-MO , Thân Hợp Kim Nhôm			

KÌM TUỐT DÂY TOPTUL

Thương hiệu	TOPTUL	Xuất Xứ	Đài Loan	
HÌNH ẢNH		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		
 L	Mã Hàng	Khả Năng Tuốt Dây (mm2)	Kích Thước L (mm)	Vật liệu
	DICA1306	0.2 ~ 0.6	190	Sợi Thủy Tinh và Nilon
 L	Mã Hàng	Khả Năng Tuốt Dây (mm2)	Kích Thước L (mm)	Vật liệu
	DIBA2206	10	150	Thép Chrome Molybden
 L	Mã Hàng	Khả Năng Tuốt Dây (mm2)	Kích Thước L (mm)	Vật liệu
	DGBD2106	10	175	Thép Chrome Molybden

KÌM TUỐT DÂY ASAKI

Thương hiệu	ASAKI	Xuất Xứ	Nhật Bản								
HÌNH ẢNH		THÔNG SỐ KỸ THUẬT									
 Asaki AK-9103 L		<table><tr><th>Mã Hàng</th><th>Khả Năng Tuốt Dây (mm)</th><th>Kích Thước L (mm)</th><th>Vật liệu</th></tr><tr><td>AK-9103</td><td>AWG 8 - 10 - 12 - 14</td><td>175</td><td>Thép Mangan</td></tr></table>		Mã Hàng	Khả Năng Tuốt Dây (mm)	Kích Thước L (mm)	Vật liệu	AK-9103	AWG 8 - 10 - 12 - 14	175	Thép Mangan
Mã Hàng	Khả Năng Tuốt Dây (mm)	Kích Thước L (mm)	Vật liệu								
AK-9103	AWG 8 - 10 - 12 - 14	175	Thép Mangan								
 Asaki AK-0339 PROFESSIONAL 8" L		<table><tr><th>Mã Hàng</th><th>Khả Năng Tuốt Dây (mm²)</th><th>Kích Thước L (mm)</th><th>Vật liệu</th></tr><tr><td>AK-0339</td><td>0.2 - 6</td><td>200</td><td>Thép Carbon</td></tr></table>		Mã Hàng	Khả Năng Tuốt Dây (mm ²)	Kích Thước L (mm)	Vật liệu	AK-0339	0.2 - 6	200	Thép Carbon
Mã Hàng	Khả Năng Tuốt Dây (mm ²)	Kích Thước L (mm)	Vật liệu								
AK-0339	0.2 - 6	200	Thép Carbon								

KÌM TUỐT DÂY ASAKI

Thương hiệu	ASAKI	Xuất Xứ	Nhật Bản
HÌNH ẢNH	THÔNG SỐ KỸ THUẬT		



Mã Hàng	Khả Năng Tuốt Dây (mm2)	Kích Thước L (mm)	Vật liệu
AK-9101	0.6 - 0.8 - 1.0 - 1.3 1.6 - 2.0 - 2.6	150	Thép Carbon



Mã Hàng	Khả Năng Tuốt Dây (mm2)	Kích Thước L (mm)	Vật liệu
AK-9100	0.6 - 0.8 - 1.0 - 1.3 1.6 - 2.0 - 2.6	150	Thép Carbon



Mã Hàng	Khả Năng Tuốt Dây (mm2)	Kích Thước L (mm)	Vật liệu
AK-0340	0.5 - 1.2 - 1.6 - 2.0 2.6 - 3.2	175	Thép Carbon



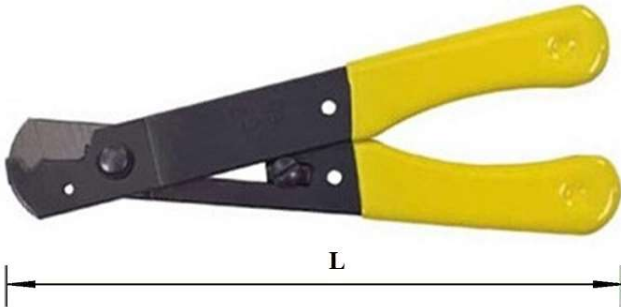
Mã Hàng	Khả Năng Tuốt Dây (mm2)	Kích Thước L (mm)	Vật liệu
AK-9104	0.5 - 6	150	Thép Hợp Kim, Cán Nhựa PP

DỤNG CỤ CẦM TAY

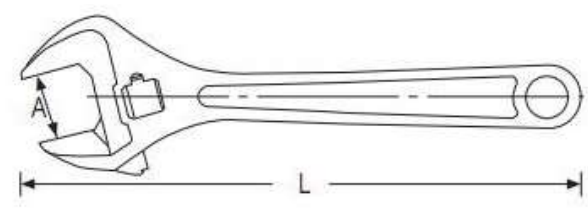
KÌM TUỐT DÂY KINGTORY

Thương hiệu	KINGTORY	Xuất Xứ	Đài Loan	
HÌNH ẢNH		THÔNG SỐ KỸ THUẬT		
				
Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Khả Năng Tuốt Dây (mm ²)	Khả Năng Cắt Dây (mm ²)	Khả Năng Nối Dây (mm ²)
DL 6762-08	200	0.2 - 0.6	6	0.5 - 6

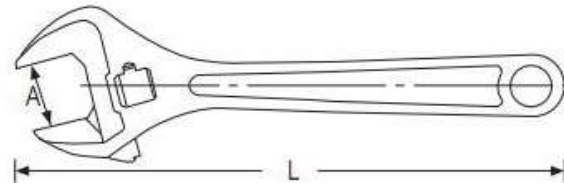
KÌM TUỐT DÂY STANLEY

Thương hiệu	STANLEY	Xuất Xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH		THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
			
Mã Hàng	Kích Thước L (mm)	Vật Liệu	Ứng Dụng
84-214	130	Thép , Cán Cao Su	Cắt Tuốt Dây , Lỗ Để Luồn hoặc Uốn Dây

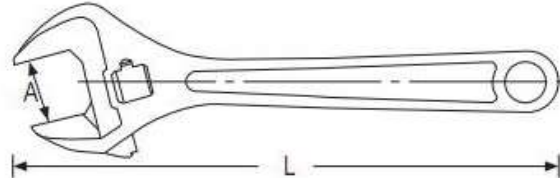
MỎ LẾT TOPTUL AMAA

Thương hiệu	TOPTUL	Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH		HÌNH VẼ	
			
Vật Liệu	Thép CR-V	Tay Cầm	Đệm Cao Su
Mã hàng	Size (mm)	L (mm)	A Maximum (mm)
AMAA2415	150	165	23.9
AMAA2920	200	210	28.8
AMAA3325	250	260	32.8
AMAA3830	300	310	38.1
AMAB1710	100	110	17

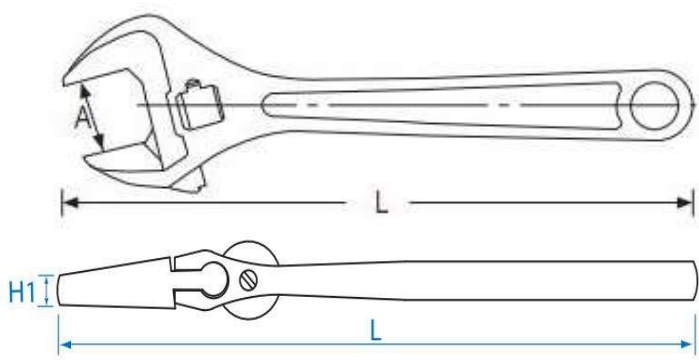
MỎ LẾT TOPTUL AMAB

Thương hiệu	TOPTUL	Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH		HÌNH VẼ	
			
		Vật Liệu	Thép CR-V
Mã hàng	Size (mm)	L (mm)	A Maximum (mm)
AMAB2415	150	160	23.9
AMAB2920	200	205	28.6
AMAB3325	250	255	32.8
AMAB3830	300	305	38.1
AMAB5038	375	380	50
AMAB6045	450	460	60

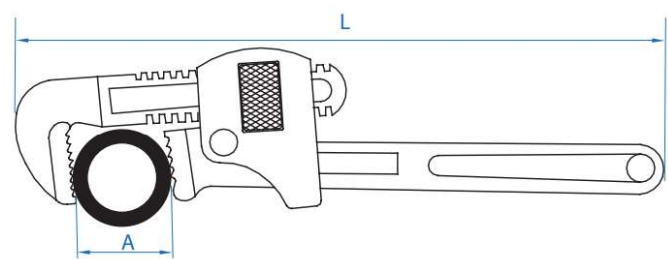
MỎ LẾT TOPTUL AMAC

Thương hiệu	TOPTUL	Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH		HÌNH VẼ	
			
Vật Liệu	Thép CR-V	Xử Lý Bề Mặt	Mạ Đen Cán
Mã hàng	Size (mm)	L (mm)	A Maximum (mm)
AMAC2015	150	160	20
AMAC2420	200	210	24
AMAC2925	250	260	29
AMAC3430	300	310	34
AMAC4338	375	390	43

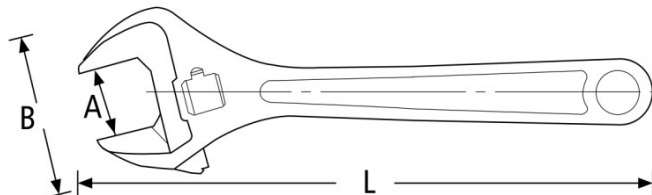
MỎ LẾT KINGTORY

Thương hiệu	KINGTORY	Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH		HÌNH VẼ	
			
Vật Liệu	Thép hợp kim Cr-V	Xử Lý Bề Mặt	Mạ Crom
Mã hàng	H1 (mm)	L (mm)	A Maximum (mm)
DL3611-06P	7	150	20
DL3611-08P	8	200	25
DL3611-10P	11	250	30
DL3611-12P	13	300	35
DL3611-15HP	13	365	43
DL3611-18HP	18	450	52

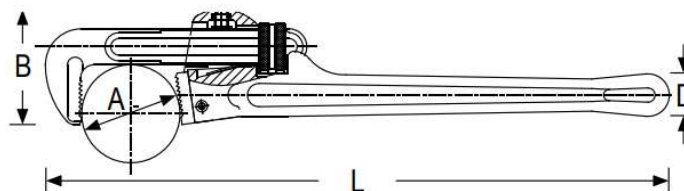
MỎ LẾT KINGTORY

Thương hiệu	KINGTORY	Xuất xứ	Đài Loan
HÌNH ẢNH		HÌNH VẼ	
			
Vật Liệu	Thép Chất Lượng Cao	Xử Lý Bề Mặt	Mạ Crom
Mã hàng	L (mm)	A Maximum (mm)	
DL6531-12	270	42	
DL6531-14	312	48	
DL6531-18	405	60	
DL6531-24	541	75	
DL6531-36	825	102	
DL6531-48	1034	140	

MỎ LẾT STANLEY

Thương hiệu	STANLEY	Xuất xứ	Đài Loan	
HÌNH ẢNH		HÌNH VẼ		
				
Vật Liệu	Thép hợp kim Cr-V		Xử Lý Bề Mặt	Mạ Crom
Mã hàng	L (mm)	A Maximum (mm)	B (mm)	
87-431	150	19.3	19	
87-432	200	24	24	
87-433	250	30	29	
87-434	300	36	34	
87-435	375	46	43	

MỎ LẾT STANLEY

Thương hiệu	STANLEY		Xuất xứ	Đài Loan	
HÌNH ẢNH			HÌNH VẼ		
					
Vật Liệu			Hàm Bằng Thép Cr-Mo, Thân Bằng Gang		
Mã hàng	Size (inch)	L (mm)	A Maximum (mm)	B (mm)	D (mm)
87-620	6	150	21.5	41	16
87-621	8	200	26.75	50	16.6
87-622	10	250	33.5	63	22.4
87-623	12	300	42.5	76	24
87-624	14	350	48	81	24
87-625	18	450	60	100	31
87-626	24	600	75.5	120	40
87-627	36	900	102	158	49

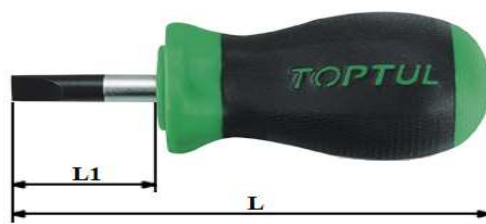
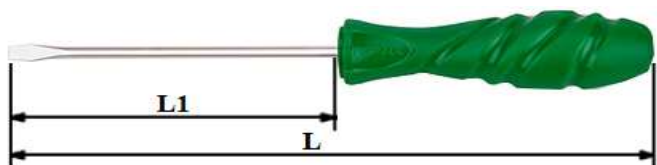
TUA VÍT DỆT

Thương hiệu

TOPTUL

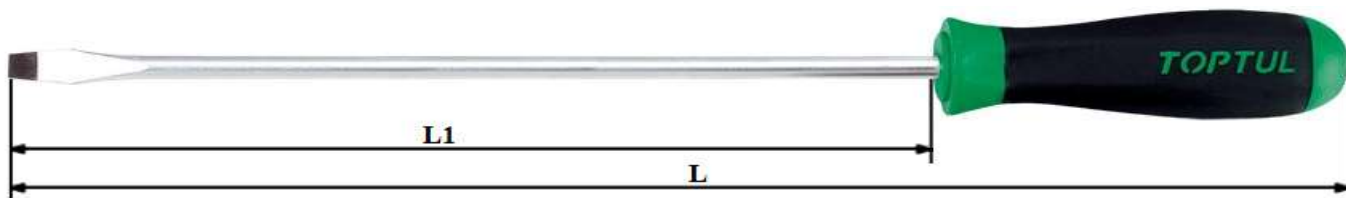
Vật Liệu

Thép CR-V



Mã Hàng	Size	Chiều Dài (L1)	Chiều Dài (L)
FAAE0510	0.8x5	100	210
FAAE5E13	1.0x5.5	125	235
FAAE6E10	1.2x6.5	100	210
FAAE6E15	1.2x6.5	150	260

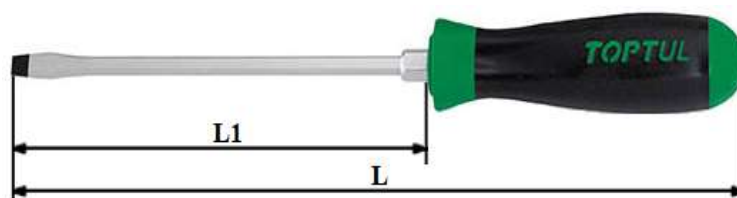
Mã Hàng	Size	Chiều Dài (L1)	Chiều Dài (L)
FABB0403	0.8x4	25	85
FABB5E03	1.0x5.5		
FABB6E03	1.2x6.5		



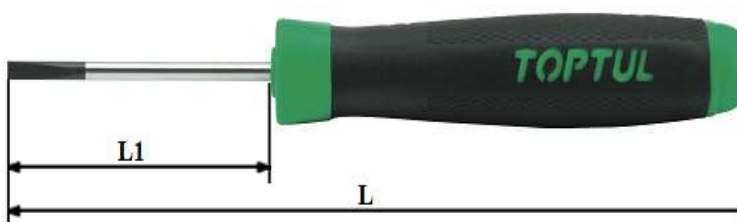
Mã Hàng	Size	Chiều Dài (L1)	Chiều Dài (L)
FACB0440	0.8x4	400	505
FACB5E40	1.0x5.5	400	515
FACB6E25	1.2x6.5	250	365
FACB6E30	1.2x6.5	300	415
FACB6E40	1.2x6.5	400	515



Mã Hàng	Size	Chiều Dài (L1)	Chiều Dài (L)
FAEB0308	0.5x3	75	162
FAEB0410	0.8x4	100	205
FAEB0818	1.2x8	175	300
FAEB5E13	1.0x5.5	125	240
FAEB6E15	1.2x6.5	150	265



Mã Hàng	Size	Chiều Dài (L1)	Chiều Dài (L)
FAHB0818	1.2x8	175	300
FAHB1020	1.6x10	200	325
FAHB5E10	1.0x5.5	100	205
FAHB6E15	1.2x6.5	150	265



Mã Hàng	Size	Chiều Dài (L1)	Chiều Dài (L)
FAIB0205	0.4x2	50	140
FAIB0305	0.5x3		
FAIB1B05	0.25x1.2		
FAIB1E05	0.25x1.5		
FAIB2E05	0.4x2.5		

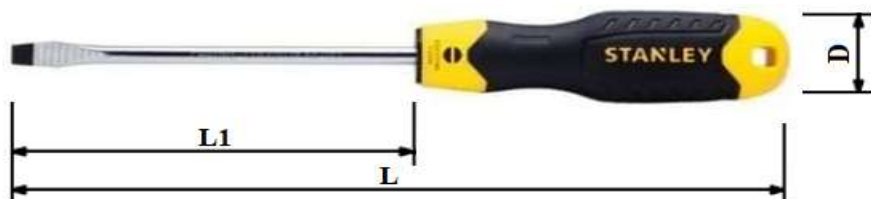
TUA VÍT DỆT

Thương hiệu

STANLEY

Vật Liệu

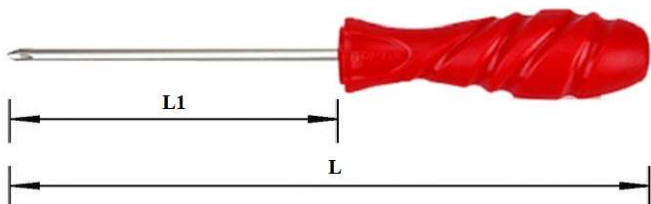
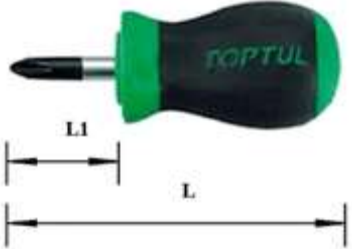
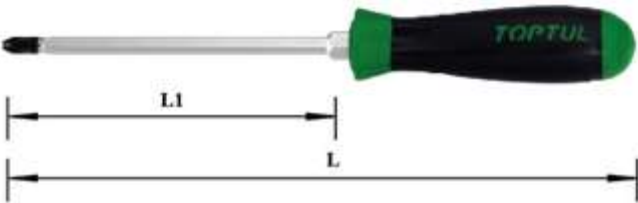
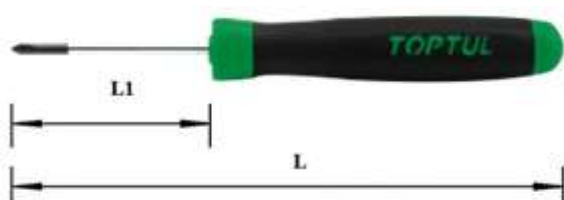
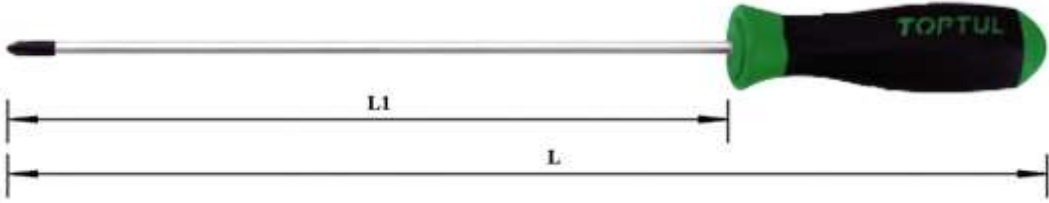
Thép Cr-V



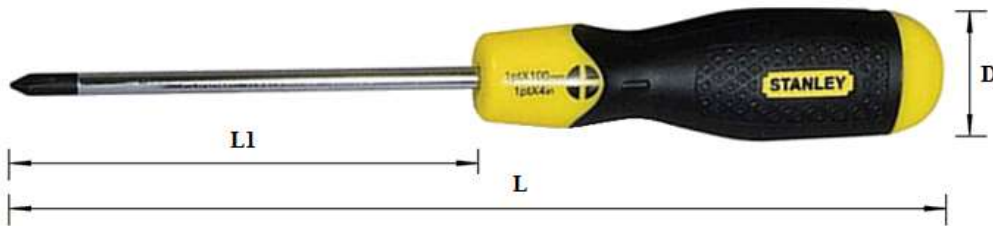
Đơn Vị: mm

Mã Hàng	Size	Chiều Dài (L1)	Chiều Dài (L)	Đường Kính (D)	Tay Cầm
60-817	3	16.5	75	16.5	Bọc nhựa PP+TPR
60-818			100		
60-819			125		
60-820			150		
60-821	5	29.5	150	29.5	
60-822			100		
60-823			150		
60-824			200		
60-825	6.5	-	38	-	
60-826		32.2	100	32.2	
60-827			125		
68-280			150		
60-829			200		
60-830			250		
60-831	8	34.3	150	34.3	
60-832			200		
60-833			250		
60-836	5	29.5	150	29.5	
65-180	3	16.5	75	16.5	
65-181			100		
65-182			125		
65-183			150		
65-187	5	29.5	100	29.5	
65-188			150		
65-189			200		
65-190	6.5	29.2	45	29.2	
65-191		32.2	100	32.2	
65-192			125		
65-193			150		
65-194			200		
65-195			250		
65-196	8	34.3	150	34.3	
65-197			200		
65-198			250		

TUA VÍT PAKE TOPTUL

Thương hiệu	TOPTUL	Vật Liệu	Thép Cr-V	
Đơn Vị : mm				
	Mã Hàng	Size	Chiều Dài L1	Chiều Dài L
	FBAE0110	PH1	100	210
	FBAE0210	PH2	100	210
	FBAE0213	PH3	125	235
	Mã Hàng	Size	Chiều Dài L1	Chiều Dài L
	FBBB0103	PH1	25	85
	FBBB0203	PH2	26	86
	Mã Hàng	Size	Chiều Dài L1	Chiều Dài L
	FBEB0008	PH0	75	162
	FBEB0110	PH1	100	205
	FBEB0210	PH2	100	215
	FBEB0315	PH3	150	275
	Mã Hàng	Size	Chiều Dài L1	Chiều Dài L
	FBHB0108	PH1	75	180
	FBHB0210	PH2	100	215
	FBHB0315	PH3	150	275
	Mã Hàng	Size	Chiều Dài L1	Chiều Dài L
	FBIB1005	PH0	50	140
	FBIB2005	PH00		
	FBIB3005	PH000		
				
Mã Hàng	Size	Chiều Dài L1	Chiều Dài L	
FBCB0125	PH1	250	355	
FBCB0140	PH1	400	505	
FBCB0225	PH2	250	365	
FBCB0230	PH2	300	415	

TUA VÍT PAKE STANLEY

Thương hiệu	STANLEY	Vật Liệu	Thép Cr-V
			
Đơn Vị : mm			

Mã Hàng	Size	Kích thước (L1)	Kích Thước (L)	Kích Thước Tay Cầm (D)
60-800	PH0	75	-	16.5
60-801		100	116.5	
60-802		125	141.5	
60-803		150	166.5	
60-804	PH1	75	104.5	29.5
60-805		100	129.5	
60-806		150	179.5	
60-807		200	229.5	
60-808	PH2	38	-	32.2
60-809		100	132.2	
60-810		125	157.2	
60-811		150	182.2	
60-812		200	232.2	
60-813		250	282.2	
60-814	PH3	150	184.3	34.3
60-815		200	234.3	
60-816		250	284.3	
65-158	PH0	100	116.5	16.5
65-159		125	141.5	
65-160		150	166.5	
65-164	PH1	150	179.5	29.5
65-165		200	229.5	
65-166	PH2	45	74.2	32.2
65-167		100	100	
65-168		125	125	
65-169		150	150	
65-170		200	200	
65-171		250	250	
65-172	PH3	150	184.3	34.3
65-173		200	234.3	
65-174		250	284.3	